

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 40 PHẢI NỘP HỌC PHÍ

Học kỳ II năm học 2015-2016

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1	400101	Tăng Thị	Giang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2	400102	Mai Tiến	Thành	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
3	400103	Vương Thị	Hiền	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
4	400104	Phan Thị	Linh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
5	400105	Lương Thị Hải	Yến	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
6	400106	Nguyễn Mạnh	Cường	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
7	400107	Nguyễn Thị	Phương	4001	MHP	27	0	0	0	0	0	0
8	400108	Lê Minh	Quân	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
9	400109	Đoàn Thúy	Ngân	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
10	400110	Long Thị	Hồng	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
11	400111	Phạm Hà	Phương	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
12	400112	Nguyễn Minh	Chiến	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
13	400113	Hoàng Thanh	Xuân	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
14	400114	Nguyễn Đức	Thuận	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
15	400115	Vũ Gia	Linh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
16	400116	Đặng Ích	Tiến	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
17	400117	Nguyễn Văn	Nhật	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
18	400118	Chu Thị Ngọc	Anh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
19	400119	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
20	400120	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
21	400121	Võ Hiền	Anh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
22	400122	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
23	400123	Hoàng Khánh	Vy	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
24	400124	Chu Đức	Dũng	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
25	400125	Trần Thị Thanh	Huyền	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
26	400126	Lê Thị Vân	Anh	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
27	400127	Phan Thị Ly	Na	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
28	400128	Cao Thị Thanh	Hà	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
29	400129	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
30	400130	Trần Đức	Hậu	4001	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
31	400131	Đào Văn	Anh	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
32	400132	Hoàng Thu	Trang	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
33	400133	Vũ Huyền	Minh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
34	400134	Phạm Thị Trang	Thu	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
35	400135	Đỗ Thị	Hằng	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
36	400136	Nông Hải	Tuấn	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
37	400137	Nguyễn Minh	Anh	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
38	400139	Trần Hữu	Dũng	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
39	400140	Lê Thị Hương	Giang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
40	400141	Vũ Seo	Hòa	4001	MHP	25	0	0	0	0	0	0
41	400142	Nguyễn Thế	Phú	4001	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
42	400143	Phạm Thị Thanh	Nhung	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
43	400144	Ngô Thị	Tuyết	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
44	400145	Hoàng Lê	Quyên	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
45	400146	Đinh Thị	Thảo	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
46	400147	Phân Thị	Mây	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
47	400148	Vũ Kiều	Trang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
48	400149	Và A	Tủa	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
49	400150	Giăng A	Nù	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
50	400151	Dương Thị Lan	Anh	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
51	400152	Nguyễn Thị Hồng	Lê	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
52	400153	Nông Văn	Quân	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
53	400154	Pờ Mé	Nu	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
54	400155	Bùi Thị	Phương	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
55	400156	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
56	400157	Nguyễn Thị Lệ	Thu	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
57	400158	Hoàng Thị Mai	Liều	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
58	400159	Phạm Thị Thanh	Hải	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
59	400160	Nguyễn Thị Kiều	Trang	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
60	400161	Phạm Thị	Huyền	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
61	400162	Nguyễn Thị Thu	Thúy	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
62	400163	Lê Thị	Dung	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
63	400164	Lương Thảo	Phương	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
64	400165	Phùng Thị	Quyên	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
65	400166	Trần Thị	Hằng	4001	MHP	27	0	0	0	0	0	0
66	400167	Hoàng Hương	Quỳnh	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
67	400168	Nguyễn Thị Hồng	Liên	4001	CT	27	0	0	0	0	0	0
68	400169	Hoàng Thị	Hiền	4001	YCXH	25	0	0	10,750,000	0	0	10,750,000
69	400170	Triệu Thị Kim	Soan	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
70	400171	Nguyễn Thị	Khuyên	4001	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
71	400172	Hà Kim	Oanh	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
72	400173	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	4001	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
73	400174	Nguyễn Thị Hoài	Thu	4001	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
74	400175	Santysuk	SukChalea	4001	LAOHD	27	0	0	0	0	0	0
75	400176	Chilaphone	SophamMia	4001	LAOHD	27	0	0	0	0	0	0
76	400201	Trần Thị Mỹ	Hạnh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
77	400202	Đỗ Thị Thùy	Thắm	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
78	400203	Lê Thị Hồng	Vân	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
79	400204	Trần Văn	Phúc	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
80	400205	Phạm Thị Ngọc	Anh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
81	400206	Từ Văn	Bắc	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
82	400207	Đỗ Thế	Vương	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
83	400208	Đinh Huyền	Thảo	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
84	400209	Đường Hải	Yên	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
85	400210	Đào Ngọc	Minh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
86	400211	Bùi Thị	Huế	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
87	400212	Trần Đức	Hùng	4002	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
88	400213	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
89	400214	Đào Duy	Tùng	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
90	400215	Hoàng Thu	Dung	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
91	400216	Hà Thị	Yên	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
92	400217	Nguyễn Đức	Mạnh	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
93	400218	Lê	Quân	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
94	400219	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
95	400220	Nguyễn Quang	Hùng	4002	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
96	400221	Vi Thị Quỳnh	Anh	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
97	400222	Dương Mai	Ngọc	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
98	400224	Đỗ Minh	Anh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
99	400225	Vương Thị	Loan	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
100	400227	Trần Thị Phương	Linh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
101	400229	Phạm Thị	Lam	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
102	400230	Hoàng Thùy	Linh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
103	400232	Đặng Thị Vân	Anh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
104	400233	Lê Võ Thủy	Tiên	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
105	400235	Trịnh Hoài	Đức	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
106	400236	Vũ Thị Minh	Anh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
107	400237	Đồng Mỹ	Linh	4002	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
108	400238	Hoàng Khắc	Mạnh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
109	400239	Tạ Thị	Nga	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
110	400240	Lê Thị Phương	Thanh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
111	400241	Vàng A	Tình	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
112	400242	Phan Thu	Huyền	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
113	400243	Hoàng Phương	Giang	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
114	400244	Lường Thị	Hải	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
115	400245	Ngô Khánh	Linh	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
116	400246	Phà Thó	Xa	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
117	400247	Sùng Thị	Dợ	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
118	400248	Vũ Thị	Thành	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
119	400249	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
120	400250	Bùi Thị Thương	Huyền	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
121	400251	Hoàng Thị Thuý	Tiên	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
122	400252	Lù Thị	Tâm	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
123	400253	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
124	400254	Nguyễn Bích	Ngọc	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
125	400255	Âu Thị	Sen	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
126	400256	Đường Thu	Quyên	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
127	400257	Lý Thị	Ghê	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
128	400258	Nguyễn Thị	Vân	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
129	400259	Nguyễn Thùy	Linh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
130	400260	Lại Thị	Minh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
131	400261	Trần Minh	Quang	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
132	400262	Đỗ Thùy	Trang	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
133	400263	Lĩnh Thị	Hoa	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
134	400264	Nguyễn Thị Kim	Anh	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
135	400265	Chu Thị	Lan	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
136	400266	Hà Thị	Phương	4002	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
137	400267	Nguyễn Thị Lan	Anh	4002	YCXH	28	0	0	12,040,000	0	0	12,040,000
138	400268	Tạ Thị	Thắm	4002	CT	28	0	0	0	0	0	0
139	400269	Quách Thị	Thủy	4002	MHP	27	0	0	0	0	0	0
140	400270	Hoàng Diệp	Hà	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
141	400271	Trần Thùy	Dung	4002	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
142	400272	Nguyễn Bá	Ngọc	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
143	400273	Y Hoàng	Miô	4002	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
144	400274	KhanThaVong	Alanya	4002	LAOHD	27	0	0	0	0	0	0
145	400275	Phengphaivanh	LouangSou	4002	LAOHD	27	0	0	22,410,000	0	0	22,410,000
146	400276	Somphong	KenManyV	4002	LAOHD	27	0	0	22,410,000	0	0	22,410,000
147	400301	Nguyễn Quang	Linh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
148	400302	Phạm Quốc	Huy	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
149	400303	Nguyễn Thị Lam	Hoa	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
150	400304	Nguyễn Thị Hà	Giang	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
151	400305	Nguyễn Thị Thu	Trà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
152	400306	Phạm Tiến	Đạt	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
153	400307	Hoàng Thu	Uyên	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
154	400308	Hồ Thị Thuý	Trang	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
155	400309	Trần Quý	Đức	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
156	400310	Phạm Văn	Đức	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
157	400311	Tổng Thị Hồng	Yến	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
158	400312	Vũ Hải	Hà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
159	400313	Phạm Thị Thanh	Vân	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
160	400314	Nguyễn Thị Tố	Uyên	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
161	400315	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
162	400316	Đào Thanh	Vân	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
163	400317	Nguyễn Ngọc	Hà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
164	400318	Đỗ Tắt	Kỳ	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
165	400319	Vũ Nguyễn Hải	Đường	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
166	400321	Hoàng Thị Hải	Yến	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
167	400322	Hoàng Thị Linh	Chi	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
168	400325	Nguyễn Thị Phương	Mai	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
169	400326	Ông Thị Diệu	Anh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
170	400327	Nguyễn Bảo	Ngọc	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
171	400329	Kiều Thị Mai	Anh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
172	400330	Nguyễn Thị Thu	Hà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
173	400331	Trần Thủy	Trinh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
174	400332	Đặng Thùy	Linh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
175	400333	Ngô Thanh	Thủy	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
176	400334	Hoàng Thị Thuỳ	Linh	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
177	400335	Nguyễn Thanh	Thư	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
178	400336	Đào Thu	Thảo	4003	GHP	28	0	0	25,200,000	0	0	25,200,000
179	400337	Chu Thị	Bích	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
180	400339	Hà Đình	Dương	4003	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
181	400340	Mai Hồng	Ngọc	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
182	400341	Hoàng Thị	Hăng	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
183	400342	Bàn Thị	Hường	4003	MHP	25	0	0	0	0	0	0
184	400343	Nguyễn Xuân	Quỳnh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
185	400344	Lê Minh	Hăng	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
186	400345	Nguyễn Xuân	Nguyên	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
187	400346	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
188	400347	Sáng Thị	Chính	4003	MHP	27	0	0	0	0	0	0
189	400348	Bế Thị	Hường	4003	MHP	25	0	0	0	0	0	0
190	400349	Hoàng Thùy	Dung	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
191	400350	Trịnh Thị Kim	Anh	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
192	400351	Vừ A	Dia	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
193	400352	Nguyễn Duy	Tuấn	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
194	400353	Lê Thị	Hương	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
195	400354	Hà Đình	Công	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
196	400356	Nguyễn Hải	Yến	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
197	400357	Bùi Thị Thúy	Hiền	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
198	400358	Hoàng Đình	Tuấn	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
199	400359	Nguyễn Thị Minh	Tâm	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
200	400360	Vũ Phương	Hoa	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
201	400361	Bùi Thị	Thủy	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
202	400362	Đỗ Ngọc	Anh	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
203	400363	Lê Thị	Nhung	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
204	400364	Phan Mỹ	Hạnh	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
205	400365	Lã Thị	Linh	4003	MHP	27	0	0	0	0	0	0
206	400366	Chu Thị	Duyên	4003	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
207	400367	Phạm Thành	Công	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
208	400368	Lương Khánh	Hà	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
209	400369	Vũ Duy	Hùng	4003	CT	27	0	0	0	0	0	0
210	400370	Hoàng Thị	Tuyền	4003	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
211	400371	Trần Văn	Ninh	4003	CT	27	0	0	0	0	0	0
212	400372	Lương Văn	Qui	4003	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
213	400373	Phạm Thị Ngọc	Trâm	4003	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
214	400374	Nguyễn Đức	Hiền	4003	BP	28	0	0	0	0	0	0
215	400401	Mai Thị Hải	Yến	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
216	400402	Lê Thị	Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
217	400403	Phạm Tuấn	Mạnh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
218	400404	Lù Thị	Long	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
219	400405	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
220	400406	Vũ Hoàng	Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
221	400407	Nguyễn Văn	Hùng	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
222	400408	Lê Thị Nguyệt	Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
223	400409	Phạm Trường	Giang	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
224	400410	Nguyễn Thuỳ	Dương	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
225	400411	Nguyễn Hoàng Phúc	Hải	4004	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
226	400412	Lê Thanh	Huyền	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
227	400413	Nguyễn Thị	Hội	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
228	400414	Nguyễn Đình	Anh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
229	400415	Nguyễn Thị Khánh	Linh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
230	400416	Hồ A	Sánh	4004	MHP	27	0	0	0	0	0	0
231	400417	Vy Mỹ	Linh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
232	400418	Hoàng Thị Thanh	Xuân	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
233	400419	Nguyễn Thanh	Quý	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
234	400420	Trần Thùy	Linh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
235	400421	Nguyễn Thị Thu	Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
236	400422	Bùi Thị Dương	Chà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
237	400424	Lò Thị	Dung	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
238	400426	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
239	400427	Đinh Ngọc	ánh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
240	400428	Phan Hồng	Ngọc	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
241	400429	Trần Thúy	Hạnh	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
242	400430	Trịnh Tổ	Quyên	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
243	400431	Ngô Thị	Thủy	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
244	400432	Phan Thùy	Dung	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
245	400434	Nguyễn Thị Thu	Nga	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
246	400435	Phùng Mạnh	Tài	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
247	400436	Ngô Thị	Trang	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
248	400437	Nguyễn Thị Mỹ	Giang	4004	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
249	400438	Vũ Thành	Doanh	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
250	400439	Nguyễn Quỳnh	Thu	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
251	400440	Nguyễn Bảo	Thoa	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
252	400441	Sầm Thị Diệu	Sương	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
253	400442	Nguyễn Thị Hải	Yến	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
254	400443	Bùi Thanh	Huyền	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
255	400444	Bùi Hoàng Mai	Chi	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
256	400445	Vi Thị	Hà	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
257	400446	Lê Ngọc	Huyền	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
258	400447	Mai Thị Thúy	Hà	4004	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
259	400448	Giàng Thị	Giông	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
260	400449	Đinh Thị	Chinh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
261	400450	Đặng Hiền	Thương	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
262	400451	Lê Thị Huệ	Duyên	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
263	400452	Đỗ Thị	Thoa	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
264	400453	Dương Thị Quỳnh	Trang	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
265	400454	Nguyễn Thị Hà	Trang	4004	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
266	400455	Lò Thị	Hà	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
267	400456	Trần Thị	Hạnh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
268	400457	Nguyễn Văn	Mạnh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
269	400458	Nguyễn Thị	Thuận	4004	MHP	25	0	0	0	0	0	0
270	400459	Hoàng Thị	Loan	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
271	400460	Nông Thị Thiên	Trang	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
272	400461	Trịnh Thị Thùy	Dung	4004	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
273	400462	Nguyễn Mạnh	Cường	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
274	400463	Lò Thị	Quy	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
275	400464	Lê Thị Hoài	Thơ	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
276	400465	Đỗ Phương	Anh	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
277	400466	Ma Hoài	Thương	4004	MHP	25	0	0	0	0	0	0
278	400467	Nông Thị	Lệ	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
279	400468	Lý Thị	Lan	4004	CT	27	0	0	0	0	0	0
280	400469	Nguyễn Khánh	Linh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
281	400470	Lăng Thị Minh	Huệ	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
282	400471	Hoàng Phương	Lan	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
283	400472	Bùi Khánh	Linh	4004	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
284	400473	Nguyễn Đức	Trung	4004	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
285	400474	Hoàng Đình	Dũng	4004	BP	28	0	0	0	0	0	0
286	400425	Bùi Thúy	Nường	4005	MHP	27	0	0	0	0	0	0
287	400501	Phạm Mạnh	Khang	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
288	400502	Lê Thị Tuyết	Trinh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
289	400503	Bùi Minh	Thiện	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
290	400504	Nguyễn Phương	Thảo	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
291	400505	Đặng Thị Thùy	Dương	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
292	400506	Nguyễn Thị	Trang	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
293	400507	Vũ Văn	Linh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
294	400508	Nguyễn Thị	Anh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
295	400509	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
296	400510	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
297	400511	Vũ Châu	Long	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
298	400512	Nguyễn Tường	Vi	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
299	400513	Nguyễn Thùy	Trang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
300	400514	Nguyễn Thị	Hải	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
301	400515	Bùi ái	Việt	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
302	400516	Nguyễn Tiến	Lộc	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
303	400517	Dương Hoàng	Anh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
304	400518	Lê Tùng	Linh	4005	MHP	27	0	0	0	0	0	0
305	400519	Vũ Văn	Vương	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
306	400520	Đào Ngọc	Anh	4005	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
307	400522	Hà Thùy	Dung	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
308	400523	Hoàng Bích	Ngọc	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
309	400524	Phạm Ngô Bảo	Ngọc	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
310	400525	Nguyễn Thu	Huyền	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
311	400526	Hoàng Hồng	Nga	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
312	400527	Trịnh Hương	Giang	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
313	400528	Nguyễn Vân	San	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
314	400529	Hoàng Chi	Phương	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
315	400530	Nguyễn Phương	Thảo	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
316	400531	Đỗ Thị	Vân	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
317	400532	Đào Thị Thanh	Nga	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
318	400533	Bùi Thị Hoàng	Yến	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
319	400534	Nguyễn Thị Trâm	Anh	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
320	400536	Nguyễn Thị	Lương	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
321	400537	Đieu Chinh	Hoàng	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
322	400538	Trần Thị Huyền	Trang	4005	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
323	400539	Bùi Khánh	Linh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
324	400540	Bùi Thị	Giang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
325	400541	Nguyễn Thị	Linh	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
326	400542	Nguyễn Thị Kim	Anh	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
327	400543	Phạm Thị Hồng	Nhung	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
328	400545	Vũ Thị Trà	My	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
329	400546	Dương Hồng	Son	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
330	400547	Trần Thị	Trang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
331	400548	Nguyễn Thị Thu	Trang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
332	400549	Hoàng Thị	Ly	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
333	400550	Vàng A	Lâu	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
334	400551	Lò Thị	Thanh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
335	400552	Tòng Thị	Vân	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
336	400553	Phan Thị Thùy	Trang	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
337	400554	Nguyễn Thị Hương	Ly	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
338	400555	Hoàng Thị	Tâm	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
339	400556	Nguyễn Thị	Nga	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
340	400557	Tô Thúy	Hằng	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
341	400558	Võ Thị Tuyết	Mây	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
342	400559	Triệu Thị	Thùy	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
343	400560	Lương Thị Lệ	Thu	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
344	400561	Phạm Thị Thu	Thủy	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
345	400562	Lê Phương	Hiên	4005	MHP	15	0	0	0	0	0	0
346	400563	Nguyễn Diệu	Linh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
347	400564	Lã Thị	Thanh	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
348	400565	Nông Thị Mai	Trang	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
349	400566	Trần Hoàng	Phú	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
350	400567	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	4005	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
351	400568	Nguyễn Huy	Khánh	4005	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
352	400569	Hoàng Thị	Danh	4005	CT	25	0	0	0	0	0	0
353	400570	Sùng	Sú	4005	CT	27	0	0	0	0	0	0
354	400571	Đinh Thị	Yến	4005	CT	27	0	0	0	0	0	0
355	400572	Ma Thị Hải	Yến	4005	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
356	400573	Nguyễn Thế	Tiêm	4005	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
357	400574	Vàng A	Nu	4005	BP	27	0	0	0	0	0	0
358	400601	Nguyễn Thị	Huong	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
359	400602	Lai Thu	Trang	4006	MHP	27	0	0	0	0	0	0
360	400603	Đỗ Hoàng	Hiệp	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
361	400604	Vũ Thành	Đạt	4006	BT	0	0	0	0	0	0	0
362	400605	Phùng Hoàng Khánh	Linh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
363	400606	Lê Thị Trà	My	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
364	400607	Nguyễn Thu	Giang	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
365	400608	Trần Võ Xuân	Thắng	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
366	400609	Nguyễn Thị Thảo	Ly	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
367	400610	Thân Ngọc	Quang	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
368	400612	Phạm Văn	Son	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
369	400613	Nguyễn Đình	Hiếu	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
370	400614	Phạm Thị Ngọc	Trâm	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
371	400615	Đỗ Ngọc	Duy	4006	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
372	400616	Lưu Thị Hoài	Linh	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
373	400617	Trần Thành	Hung	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
374	400618	Nguyễn Thảo	My	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
375	400621	Trần Ngọc	Minh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
376	400622	Lê Tú	Quỳnh	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
377	400623	Đào Thị	Hường	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
378	400625	Điền Thị Thúy	Hằng	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
379	400626	Trần Thị	Trang	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
380	400627	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
381	400628	Bùi Thị Hồng	Nhung	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
382	400629	Trần	Danh	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
383	400630	Nguyễn Khánh	Toàn	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
384	400631	Pờ Minh	Chuyên	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
385	400632	Lê Thị Hương	Trang	4006	BT	20	0	0	3,600,000	0	0	3,600,000
386	400633	Nguyễn Văn	Son	4006	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
387	400634	Vũ Khánh	Linh	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
388	400635	Dương Thị	Hằng	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
389	400636	Trương ánh	Mai	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
390	400637	Nguyễn Phương	Linh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
391	400638	Trần Hoài	An	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
392	400639	Trần Thị Liên	Huong	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
393	400640	Trần Mỹ	Hoa	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
394	400641	Trần Thị Lan	Trang	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
395	400642	Đặng Bích	Phuong	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
396	400643	Trần Thị Mỹ	Linh	4006	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
397	400644	Cao Thị	Thường	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
398	400645	Nguyễn Thị Kim	Chi	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
399	400646	Phạm Hồng	Nhung	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
400	400647	Cà Thị	út	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
401	400648	Triệu Thị Thu	Hường	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
402	400649	Kim Thảo	Linh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
403	400650	Trần Thị	Thủy	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
404	400651	Nguyễn Thị	Huyền	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
405	400652	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
406	400653	Quan Thủy	Ngân	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
407	400654	Chu Thị	Thảo	4006	MHP	27	0	0	0	0	0	0
408	400655	Nguyễn Thị	Yến	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
409	400657	Lê Thị Bích	Thảo	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
410	400658	Nguyễn Minh	Đức	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
411	400659	Phan Thị Phương	Thảo	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
412	400660	Tổng Thị	Mai	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
413	400661	Nguyễn Thu	Thảo	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
414	400662	Nguyễn Quỳnh	Lâm	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
415	400663	Phạm Thị	Linh	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
416	400664	Hà Thị Quỳnh	Chi	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
417	400665	Dương Thị Thục	Chinh	4006	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
418	400666	Nguyễn Thị	Hà	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
419	400667	Lê Hoài	Nam	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
420	400668	Võ Minh	Thắng	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
421	400669	Hoàng Thị	Hiền	4006	CT	25	0	0	0	0	0	0
422	400670	Lò Thị	Phương	4006	CT	27	0	0	0	0	0	0
423	400671	Đàm Thanh	Huyền	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
424	400672	Đinh Duy	Lực	4006	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
425	400673	Nguyễn Vũ	Lâm	4006	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
426	400674	Trần Văn	Ba	4006	BP	28	0	0	0	0	0	0
427	400701	Phan Thị Khánh	Huyền	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
428	400702	Nguyễn Hiền	Lương	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
429	400703	Nguyễn Việt	Đức	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
430	400706	Trần Minh	Ngọc	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
431	400707	Lê Minh	Hùng	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
432	400708	Hoàng Phương	Linh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
433	400709	Ngô Hoàng	Hiếu	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
434	400710	Trần Thị Huyền	Trang	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
435	400711	Lương Quốc	Đình	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
436	400712	Nguyễn Bá	Tuân	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
437	400713	Phạm Thu	Huyền	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
438	400714	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
439	400715	Lê Thị Thanh	Tâm	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
440	400716	Lê Thị	Nhung	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
441	400717	Đào Duy	Dũng	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
442	400718	Hoàng Diệu	Thúy	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
443	400719	Bùi Ngọc	Anh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
444	400720	Phạm Thúy	Hiền	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
445	400721	Trần Mai	Hương	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
446	400722	Lê Thị Thùy	Dung	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
447	400723	Tổng Thị	Chinh	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
448	400724	Bùi Mai	Anh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
449	400725	Nguyễn Diệu	Hoa	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
450	400726	Vũ ánh	Nguyệt	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
451	400727	Nguyễn Thị Lê	Quyên	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
452	400728	Nguyễn Bảo	Ngọc	4007	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
453	400730	Nguyễn Thị Tú	Uyên	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
454	400731	Nguyễn Thị Thu	Đông	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
455	400733	Nguyễn Thị Yến	Nhi	4007	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
456	400735	Nguyễn Thanh	Thủy	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
457	400736	Vũ Thị Thanh	Xuân	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
458	400737	Lâm Thạch	Thảo	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
459	400738	Nguyễn Phương	Hà	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
460	400739	Lê Thị Thu	Trang	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
461	400740	Mai Hồng	Minh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
462	400741	Đinh Huyền	Linh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
463	400742	Nguyễn Hồng	Hạnh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
464	400743	Nguyễn Thị Hải	Hà	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
465	400744	Nguyễn Thị Mai	Uyên	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
466	400745	Hà Thị Khánh	Linh	4007	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
467	400746	Lục Thu	Hồng	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
468	400747	Nguyễn Ngọc	Lan	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
469	400748	Trần Văn	Quyên	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
470	400749	Hà Ngọc	Huyền	4007	MHP	25	0	0	0	0	0	0
471	400750	Vũ Thị Mai	Sao	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
472	400751	Lương Thị	Hiếu	4007	MHP	25	0	0	0	0	0	0
473	400752	Bùi Thị Thu	Hà	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
474	400753	Bùi Chính	Nghĩa	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
475	400754	Lò Thị	Tiêm	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
476	400755	Trần Thị	Nga	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
477	400756	Nguyễn Thị	Giang	4007	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
478	400757	Nguyễn Nhật	Lê	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
479	400758	Vũ Thanh	Bình	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
480	400759	Lê Phùng Thùy	Dương	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
481	400760	Trần Hương	Giang	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
482	400761	Trần Thị Phương	Hoa	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
483	400762	Phạm Thị	Hạnh	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
484	400763	Nguyễn Thị Thu	Thủy	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
485	400764	Lô Tiến	Long	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
486	400765	Chu Thị	Hương	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
487	400766	Thào Thủy	Tiên	4007	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
488	400767	Bàn Thị	Nga	4007	CT	28	0	0	0	0	0	0
489	400768	Ma Bá	Lưu	4007	CT	26	0	0	0	0	0	0
490	400769	Hoàng Thị	Hiền	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
491	400770	Nguyễn Duy	Hường	4007	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
492	400771	Chu Hoàng	Vĩ	4007	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
493	400772	Nguyễn Thị Mai	Hương	4007	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
494	400773	Đỗ Văn	Duy	4007	BP	27	0	0	0	0	0	0
495	400801	Đỗ Thủy	Duyên	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
496	400802	Vũ Văn	Giang	4008	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
497	400803	Dương Anh	Tuấn	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
498	400804	Mai Thị	Loan	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
499	400805	Nguyễn Thùy	Ngân	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
500	400806	Đinh Phương	Thảo	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
501	400807	Nghiêm Thị Thảo	Ngân	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
502	400808	Nguyễn Việt	Hoàng	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
503	400809	Nguyễn Thị Thu	Hà	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
504	400810	Nguyễn Thị Thu	Hường	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
505	400811	Đỗ Duy	Khánh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
506	400812	Đinh Thị	Ngân	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
507	400813	Đỗ Thị	Thom	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
508	400814	Ma Doãn	Thế	4008	MHP	27	0	0	0	0	0	0
509	400815	Trần Nhật	Tân	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
510	400816	Nguyễn Thị Mai	Anh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
511	400818	Nguyễn Vương	Hà	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
512	400819	Nguyễn Thị	Quỳnh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
513	400820	Lê Đức	Anh	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
514	400821	Nguyễn Việt	Dũng	4008	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
515	400822	Phạm Khánh	Linh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
516	400823	Hoàng Thu	Hương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
517	400824	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
518	400825	Vũ Thị	Nga	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
519	400826	Nguyễn Thúy	An	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
520	400827	Nguyễn ánh	Ngọc	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
521	400829	Nguyễn Như	Vân	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
522	400830	Nguyễn Thùy	Linh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
523	400831	Nghiêm Ngọc	ánh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
524	400832	Lý Thị Ngọc	Trâm	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
525	400833	Bùi Thị Ngọc	Anh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
526	400834	Hoàng Thị Thúy	Vi	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
527	400835	Đỗ Hải ánh	Dương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
528	400836	Nguyễn Thúy	Quỳnh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
529	400837	Nguyễn Hà	Anh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
530	400838	Lê Thị	Minh	4008	GHP	27	0	0	24,300,000	0	0	24,300,000
531	400839	Nguyễn Thị	Linh	4008	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
532	400840	Nguyễn Thị Thu	Hà	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
533	400841	Nguyễn Văn	Bình	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
534	400842	Hoàng Thanh	Xuân	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
535	400843	Ngô Tuấn	Ngọc	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
536	400844	Trần Thanh	Thủy	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
537	400845	Nguyễn Giang	Uy	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
538	400846	Hà Thị	Quỳnh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
539	400847	Trình Hoàng	Vũ	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
540	400848	Hoàng Thu	Hoàn	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
541	400849	Hoàng Phương	Anh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
542	400850	Nguyễn Thị Hà	Thương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
543	400851	Ma Thị Thanh	Tâm	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
544	400852	Lê Thị Minh	Thảo	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
545	400853	Lê Thị Minh	Thu	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
546	400854	Vương Thị Linh	Chi	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
547	400855	Nguyễn Đức	Công	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
548	400856	Vàng Thị	ánh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
549	400857	Triệu Thị	Hương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
550	400858	Hoàng Thị Lan	Anh	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
551	400859	Dương Thị Bích	Phượng	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
552	400860	Triệu Diễm	Quỳnh	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
553	400861	Nguyễn Thị	Hương	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
554	400862	Phạm Thị	Loan	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
555	400863	Bùi Thị Tuyết	Chinh	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
556	400864	Vũ Thị	Hiền	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
557	400865	Nguyễn Văn	Điệp	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
558	400866	Trần Thanh	Huyền	4008	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
559	400867	Trương Thị	Hoài	4008	CT	27	0	0	0	0	0	0
560	400868	Hà Kiều	Mi	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
561	400869	Lý Tú	Linh	4008	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
562	400870	Bùi Văn	Kiên	4008	CT	27	0	0	0	0	0	0
563	400871	Bàn Văn	Quang	4008	CT	27	0	0	0	0	0	0
564	400873	Lê Thiên	Đại	4008	BP	27	0	0	0	0	0	0
565	400901	Đặng Vũ	Hùng	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
566	400902	Nguyễn Hà	Vi	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
567	400903	Phạm Thị Hương	Ly	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
568	400904	Nguyễn Đức	Tiến	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
569	400905	Trần Hải	Ly	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
570	400906	Lâm Quang	An	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
571	400907	Phan Thị Khánh	Hòa	4009	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
572	400908	Nguyễn Minh	Chiến	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
573	400909	Lê Quỳnh	Mai	4009	BT	20	0	0	3,600,000	0	0	3,600,000
574	400910	Vũ Ngọc	Mai	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
575	400911	Nguyễn Văn	Đạt	4009	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
576	400912	Lê Gia	Thịnh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
577	400913	Vi Công	Sang	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
578	400914	Lùng Tuyết	Nhi	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
579	400915	Tiêu Thị Thu	Trang	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
580	400916	Phạm Thị	Oanh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
581	400917	Phạm Quốc	Khánh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
582	400920	Lê Diệp	Anh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
583	400921	Trần Thị Khánh	Linh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
584	400923	Trịnh Thị Tố	Uyên	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
585	400924	Phạm Thị Hồng	Hạnh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
586	400925	Nguyễn Thái	Sơn	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
587	400926	Trình Minh	Anh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
588	400927	Lã Hải	An	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
589	400929	Vũ Thị Bích	Ngọc	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
590	400931	Chu Thị Phương	Thùy	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
591	400932	Phạm Thu	Huyền	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
592	400933	Lê Hồng	Anh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
593	400935	Trần Thị	Thúy	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
594	400936	Nguyễn Hồng	Nhung	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
595	400937	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
596	400938	Bùi Ngọc	Trang	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
597	400939	Lã Thị Bích	Huệ	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
598	400940	Hoàng Thị Minh	Hương	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
599	400941	Nguyễn Văn	Anh	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
600	400942	Nguyễn Duy	Long	4009	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
601	400943	Nguyễn Hồng	Nhung	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
602	400944	Đặng Việt	Hà	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
603	400945	Lại Thị Bình	Huế	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
604	400946	Lý Thị Thanh	Huế	4009	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
605	400947	Bàn Thị	Vân	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
606	400948	Đặng Thị Thu	Hằng	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
607	400949	Hoàng Thị	Sa	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
608	400950	Sùng Thị	Vang	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
609	400951	Đặng Thị	Nga	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
610	400952	Nguyễn Minh	Huyền	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
611	400953	Lương Thị Hồng	Nhung	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
612	400954	Trương Thị	Oanh	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
613	400955	Lê Thúy	Nga	4009	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
614	400956	Nguyễn Thị Thu	Hương	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
615	400957	Nguyễn Lưu	Ly	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
616	400958	Vũ Thị ánh	Tuyết	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
617	400959	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
618	400960	Nguyễn Trang	Ly	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
619	400961	Phùng Minh	Dũng	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
620	400962	Lê Đình	Đạt	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
621	400963	Vũ Thị Bích	Châm	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
622	400964	Nguyễn Khánh	Duy	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
623	400965	Phan Thị Thanh	Tâm	4009	CT	27	0	0	0	0	0	0
624	400966	Trần Quốc	Định	4009	CT	25	0	0	0	0	0	0
625	400967	Trần Thị Thu	Hà	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
626	400968	Lý Thị	Thương	4009	CT	27	0	0	0	0	0	0
627	400969	Lâm Thị	Tuyền	4009	CT	25	0	0	0	0	0	0
628	400971	Hoàng Thị	Liên	4009	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
629	400972	Vy Minh	Hiếu	4009	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
630	400973	Nghiêm Thị	Tam	4009	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
631	400974	Nguyễn Văn	Linh	4009	BP	27	0	0	0	0	0	0
632	401001	Đoàn Thuý	Dung	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
633	401002	Vũ Lê Việt	Anh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
634	401003	Phan Thị	Lệ	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
635	401004	Nông Thị Kim	Liên	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
636	401005	Nguyễn Văn	Hải	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
637	401006	Nguyễn Đăng	Thắng	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
638	401007	Dương Thị Thạch	Thảo	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
639	401008	Trần Đình	Mạnh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
640	401009	Hoàng Ngọc	Giang	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
641	401011	Lê Thị Mai	Linh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
642	401012	Trần Thị Thanh	Trà	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
643	401013	Phạm Đăng	Quý	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
644	401014	Trần Ly	Ly	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
645	401015	Trần Quỳnh	Dương	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
646	401016	Vũ Thị	Trang	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
647	401017	Võ Văn	Bắc	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
648	401018	Tổng Kiên	Định	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
649	401020	Nguyễn Thị	Hồng	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
650	401021	Trần Thị	Tho	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
651	401022	Nguyễn Thúy	Hiền	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
652	401023	Bùi Thị Phương	Anh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
653	401024	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
654	401025	Đỗ Tiến	Diễn	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
655	401026	Phạm Thị Minh	Nguyệt	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
656	401027	Vũ Hà	Quỳnh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
657	401028	Ngô Chi	Linh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
658	401029	Phạm Thị Phương	Lan	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
659	401030	Nguyễn Văn	Thanh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
660	401031	Ngô Minh	Hoàng	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
661	401033	Lê Thị Thúy	Nga	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
662	401034	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
663	401035	Nguyễn Thị Linh	Trang	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
664	401037	Chu Quốc	Toản	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
665	401038	Nguyễn Ngân	Hà	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
666	401039	Nguyễn Ngọc	Anh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
667	401041	Nguyễn Thị Anh	Thư	4010	MHP	27	0	0	0	0	0	0
668	401042	Lê Thị Thu	Hoài	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
669	401043	Hoàng	Lan	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
670	401044	Bùi Thu	Thủy	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
671	401045	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
672	401046	Nguyễn Thùy	Linh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
673	401047	Lý Thị Bích	Nguyệt	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
674	401048	Hà Thị Thu	Đẹp	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
675	401050	Hà Thị	Hằng	4010	MHP	27	0	0	0	0	0	0
676	401051	Lò Thị	Nhâu	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
677	401052	Bàn Thị	Dung	4010	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
678	401053	Phùng Thị Kiều	Trinh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
679	401054	Lò Thị Tổ	Uyên	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
680	401055	Nguyễn Mạnh	Linh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
681	401056	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
682	401057	Lý Thùy	Linh	4010	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
683	401058	Nguyễn Thị Minh	Thư	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
684	401059	Lê Thị Khánh	Ly	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
685	401060	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
686	401061	Triệu Thị Kim	Dung	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
687	401062	Lý Thị Thu	Huyền	4010	MHP	27	0	0	0	0	0	0
688	401063	Nông Thị Vân	Hoa	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
689	401064	Lò Việt	Anh	4010	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
690	401065	Hà Thanh	Thanh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
691	401066	Hồ Thị	Lia	4010	CT	25	0	0	0	0	0	0
692	401067	Cao Thị	Hương	4010	MHP	25	0	0	0	0	0	0
693	401068	Sùng Thanh	Hóa	4010	CT	27	0	0	0	0	0	0
694	401069	Bàn Hữu	Chung	4010	CT	27	0	0	0	0	0	0
695	401070	Hoàng Thục	Trinh	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
696	401071	Lý Thị	Quỳnh	4010	CT	27	0	0	0	0	0	0
697	401072	Nguyễn Thị	Thảo	4010	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
698	401073	Nông Thị	Hạnh	4010	MHP	27	0	0	0	0	0	0
699	401074	Nông Văn	Đại	4010	BP	27	0	0	0	0	0	0
700	401101	Lò Thị	Lệ	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
701	401102	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
702	401103	Hoàng Thị	Liên	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
703	401104	Lê Thị Hồng	Vi	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
704	401105	Phạm Thanh	Tùng	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
705	401106	Bùi Thị Quỳnh	Anh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
706	401107	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
707	401108	Dương Thị Ngọc	ánh	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
708	401109	Nguyễn Văn	Nam	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
709	401110	Vũ Thị Thúy	Nga	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
710	401111	Nguyễn Thị	Nga	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
711	401112	Bùi Quốc	Cường	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
712	401113	Đoàn Thị	Chinh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
713	401114	Lò Thị	Tươi	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
714	401115	Nguyễn Mai	Phương	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
715	401116	Phạm Hoàng	Chon	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
716	401117	Nguyễn Hương	Giang	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
717	401119	Bế Ngọc ánh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
718	401120	Nguyễn Thị Thu Hà	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
719	401121	Nguyễn Thị Phụng	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
720	401122	Nguyễn Thị Tiên	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
721	401123	Nguyễn Mạnh Trí	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
722	401124	Ngô Thị Phương Ngân	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
723	401126	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
724	401127	Phan Như Quỳnh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
725	401128	Nguyễn Lâm Oanh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
726	401129	Hoàng Thị Niệm	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
727	401130	Ngô Hương Ly	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
728	401131	Nguyễn Thị Hải Yến	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
729	401132	Bùi Thị Phương Linh	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
730	401133	Lê Khánh Linh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
731	401134	Trần Thị Cẩm Tú	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
732	401135	Nguyễn Thị Hà Ly	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
733	401136	Trần Thuận ánh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
734	401137	Lê Thị Giang	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
735	401138	Chu Thị Na	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
736	401139	Nguyễn Thị Thu	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
737	401140	Phùng Thị Ngọc Trinh	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
738	401141	Nguyễn Tiến Đạt	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
739	401142	Nguyễn Hữu Thọ	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
740	401143	Trần Hoàng ánh	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
741	401144	Thái Thị Hạnh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
742	401145	Phạm Thị Minh Loan	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
743	401146	Bùi Thanh Tùng	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
744	401147	Lô Thị ánh Minh	4011	MHP	24	0	0	0	0	0	0
745	401148	Quàng Thị Thanh	4011	MHP	27	0	0	0	0	0	0
746	401149	Trần Thị Huyền Trang	4011	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
747	401150	Nguyễn Phương Trang	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
748	401151	Nông Thị Quyên	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
749	401152	Phạm Thị Kiều Linh	4011	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
750	401153	Thên Mai Ngọc	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
751	401154	Nguyễn Thị Diệu	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
752	401155	Nguyễn Nhật Linh	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
753	401156	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
754	401157	Nguyễn Thị Hồng	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
755	401158	Đinh Thị Huyền	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
756	401159	Nguyễn Thị Lan Hương	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
757	401160	Đàm Nhật	Linh	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
758	401161	Nguyễn Văn	Tùng	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
759	401162	Nguyễn Thị	Hiền	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
760	401163	Trần Ngọc	Mai	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
761	401164	Đàm Việt	Lâm	4011	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
762	401165	Lò Trung	Thành	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
763	401166	Lạc Thị	Mai	4011	MHP	27	0	0	0	0	0	0
764	401167	Ma Văn	Thành	4011	CT	25	0	0	0	0	0	0
765	401168	Lương Hoàng	Vũ	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
766	401169	Hoàng Văn	Bảo	4011	CT	27	0	0	0	0	0	0
767	401170	Mai Hồng	Xiêm	4011	CT	27	0	0	0	0	0	0
768	401171	Phạm Thị Huyền	Trang	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
769	401172	Vi Thị Thảo	Ly	4011	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
770	401173	Lương Anh	Thái	4011	BP	27	0	0	0	0	0	0
771	401201	Lò Thị	Kiệm	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
772	401202	Phạm Minh	Quang	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
773	401203	Lê Anh	Đức	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
774	401205	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
775	401206	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
776	401207	Nguyễn Thị Thu	Thảo	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
777	401208	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
778	401209	Ngô Thị	Phương	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
779	401210	Nguyễn Văn	Lâm	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
780	401211	Đinh Chí	Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
781	401212	Bùi Văn	Chung	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
782	401213	Vũ Thị Tâm	Chinh	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
783	401214	Đặng Bá	Mạnh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
784	401215	Nguyễn Hữu	Ngọc	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
785	401216	Vương Tùng	Lâm	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
786	401218	Nguyễn Diệu	Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
787	401219	Lê Thị	Thủy	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
788	401220	Nguyễn Nguyệt	ánh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
789	401221	Hoàng Thị Quỳnh	Diệp	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
790	401223	Đoàn Thị	Nhàn	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
791	401224	Nguyễn Minh	Hằng	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
792	401225	Nguyễn Thị Thương	Huyền	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
793	401226	Trần Huy	Khánh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
794	401227	Cao Hà	Linh	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
795	401228	Nguyễn Thúy	Ngọc	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
796	401229	Nguyễn Hải	Nam	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
797	401230	Nguyễn Kim	Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
798	401231	Hà Thị Thuỳ	Linh	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
799	401232	Nguyễn Cẩm	Tú	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
800	401233	Trịnh Hải	Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
801	401234	Trần Thị Huyền	Trâm	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
802	401235	Trần Văn	Chuân	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
803	401236	Đặng Thị	Hằng	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
804	401237	Hoàng Thị	Nguyệt	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
805	401239	Trần Hồng	Minh	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
806	401240	Lê Thị Mai	Huong	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
807	401241	Bùi Thị Hải	Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
808	401242	Nguyễn Thị Thu	Thủy	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
809	401243	Nguyễn Thị Thanh	Hà	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
810	401244	Hoàng Ngọc	Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
811	401245	Hoàng Thị	Ninh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
812	401246	Lê Văn	Tùng	4012	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
813	401247	Tổng Văn	Tài	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
814	401248	Phạm Mai	Trang	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
815	401249	Trần Diệu	Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
816	401250	Nông Thu	Hồng	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
817	401251	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
818	401252	Lao Thị Hồng	Hoài	4012	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
819	401253	Nguyễn Thị	Anh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
820	401254	Hoàng Thị Linh	Chi	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
821	401255	Lý Thị Tuyết	Nhung	4012	MHP	25	0	0	0	0	0	0
822	401256	Hoàng Thị	Lành	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
823	401257	Phạm Thị	Giang	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
824	401258	Phạm Việt	Trình	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
825	401259	Trịnh Thị Như	Quỳnh	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
826	401260	Lê Thị	Loan	4012	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
827	401261	Triệu Thị	Thịnh	4012	MHP	27	0	0	0	0	0	0
828	401262	Đàm Thị Huyền	Trân	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
829	401263	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
830	401264	Nguyễn Thị Yến	Nhi	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
831	401265	Chu Hoàng Khánh	Linh	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
832	401266	Lục Thanh	Thảo	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
833	401267	Đàm Thị Kim	Dung	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
834	401268	Lương ý	Dung	4012	MHP	25	0	0	0	0	0	0
835	401269	Đinh Thị Hoài	Linh	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
836	401271	Ma Lưu	Lai	4012	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
837	401272	Nguyễn Thị Hà	Trang	4012	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
838	401273	Đình Quốc	Khánh	4012	BP	27	0	0	0	0	0	0
839	401301	Vũ Thị	Dương	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
840	401302	Hoàng Thị	Thảo	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
841	401304	Hà Thảo	Ly	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
842	401305	Nguyễn Thị Nguyên	Thảo	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
843	401306	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
844	401307	Đỗ Thị Quỳnh	Thu	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
845	401308	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
846	401309	Phạm Thị Thanh	Tình	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
847	401310	Phan Văn	Minh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
848	401311	Nguyễn Anh	Đức	4013	MHP	27	0	0	0	0	0	0
849	401312	Nguyễn Linh	Trang	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
850	401313	Hoàng Kim	Thái	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
851	401314	Ma Thế	Hào	4013	MHP	27	0	0	0	0	0	0
852	401315	Nguyễn Ngọc	Tú	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
853	401316	Nguyễn Việt	Anh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
854	401317	Nguyễn Thùy	Giang	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
855	401319	Nguyễn Ngọc	Mai	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
856	401321	Phan Cẩm	Tú	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
857	401322	Nguyễn Duy	Mạnh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
858	401323	Trần Ngọc	Anh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
859	401324	Phan Thị Thu	Hoài	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
860	401326	Nguyễn Thị Kim	Anh	4013	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
861	401327	Lữ Thị Thảo	Trinh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
862	401328	Vi Ngọc	Diệp	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
863	401329	Phùng Thị Minh	Phượng	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
864	401330	Trần Thị Hải	Yến	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
865	401331	Đỗ Thị	Hường	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
866	401332	Trần Minh	Phương	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
867	401334	Hoàng Hải	Ly	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
868	401335	Đoàn Hồng	Nhung	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
869	401337	Đậu Thị	Mai	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
870	401339	Hoàng Trần Anh	Minh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
871	401340	Lê Đình	Hiệp	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
872	401341	Đinh Thị Minh	Nguyệt	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
873	401342	Lê Thị Khánh	Huyền	4013	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
874	401343	Nguyễn Thu	Trang	4013	BT	20	0	0	3,600,000	0	0	3,600,000
875	401344	Phạm Thủy	Tiên	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
876	401345	Hoàng Văn	Toàn	4013	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
877	401346	Nguyễn Thị Vân	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
878	401347	Vương Tin	4013	MHP	28	0	0	0	0	0	0
879	401348	Hoàng Thị Thu Hương	4013	BT	22	0	0	3,960,000	0	0	3,960,000
880	401349	Nguyễn Thị Hằng	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
881	401350	Đoàn Thị Phương Trinh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
882	401351	Đặng Thủy Vân	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
883	401352	Lao Thị Ngọc ánh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
884	401353	Nguyễn Đình Cảnh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
885	401354	Nguyễn Thị Hằng Nga	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
886	401355	Phạm Lâm Oanh	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
887	401356	Nhữ Thị Ngọc ánh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
888	401357	Phạm Thị Hằng	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
889	401358	Phan Thị Thương	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
890	401359	Bùi Thị Hoài My	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
891	401360	Đặng Thị Bầy	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
892	401361	Hoàng Thị Loan	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
893	401362	Hà Thị Kim Liên	4013	MHP	27	0	0	0	0	0	0
894	401363	Ma Phương Anh	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
895	401364	Đồng Mai Phương	4013	MHP	27	0	0	0	0	0	0
896	401365	Lê Đức Công	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
897	401366	Sầm Thị Thanh Thủy	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
898	401367	Hoàng Phương Dung	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
899	401368	Dương Văn Khải	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
900	401369	Nông Thị Thảo Nhi	4013	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
901	401370	Lộc Quang Vũ	4013	CT	27	0	0	0	0	0	0
902	401371	Vũ Minh Tuấn	4013	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
903	401372	Trịnh Thị Châm	4013	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
904	401373	Đàm Ngọc Sang	4013	BP	27	0	0	0	0	0	0
905	401401	Dương Như Quỳnh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
906	401402	Nguyễn Thị Hương Giang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
907	401403	Nguyễn Cao Đạt	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
908	401404	Phạm Ngọc ánh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
909	401405	Lâu A Thính	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
910	401406	Đào Thị Giang	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
911	401407	Trần Hồng Ngọc	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
912	401408	Nguyễn Huy Sơn	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
913	401409	Hoàng Minh Đức	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
914	401410	Đỗ Thị Thúy Hằng	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
915	401411	Nguyễn Thị Ngọc Yến	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
916	401412	Lâm Thanh Bình	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
917	401413	Lê Thị Thuỳ	Dung	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
918	401414	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
919	401415	Lương Thu	Trang	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
920	401416	Dương Thị	Thư	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
921	401417	Phạm Thị Nam	Phương	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
922	401418	Nguyễn Thị Thu	Hà	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
923	401419	Thái Thị Thúy	Anh	4014	MHP	25	0	0	0	0	0	0
924	401420	Nguyễn Hải	Yến	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
925	401421	Trần Diệu	Linh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
926	401422	Đặng Thị	Lợi	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
927	401423	Nguyễn Việt	Bách	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
928	401425	Phạm Minh	Trang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
929	401426	Đàm Minh	Hằng	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
930	401427	Nguyễn Quang	Tùng	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
931	401428	Nguyễn Thị Diệu	Mỹ	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
932	401429	Trần Ngọc	Quỳnh	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
933	401430	Lý Thị Thu	Hương	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
934	401431	Nguyễn Thị Kim	Cúc	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
935	401432	Nghiêm Thị	Thơ	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
936	401433	Lê Thị Bằng	Giang	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
937	401434	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
938	401435	Hoàng Tú	Anh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
939	401436	Trần Thị Phương	Thảo	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
940	401437	Hà Hạnh	Thu	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
941	401438	Lê Khánh	Linh	4014	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
942	401439	Bùi Thị Hà	Trang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
943	401441	Nguyễn Văn	Dương	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
944	401442	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
945	401443	Nguyễn Thị Minh	Tú	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
946	401444	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
947	401445	Châu Thị	Đẹp	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
948	401446	Vũ Hải	Anh	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
949	401447	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
950	401448	Nguyễn Hải	Lê	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
951	401449	Nguyễn Thị Thùy	Dung	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
952	401450	Mã Thị	Thanh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
953	401451	Lường Văn	Khiêm	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
954	401452	Đặng Thị	Múi	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
955	401453	Nguyễn Thị Thanh	Hải	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
956	401454	Lý A	Chớ	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
957	401455	Bùi Thị Băng	Trinh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
958	401456	Phạm Hồng	Son	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
959	401457	Nông Thị	Mến	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
960	401458	Lương Thị Huyền	Trang	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
961	401459	Lương Thị	Bình	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
962	401460	Đỗ Thu	Nga	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
963	401461	Phạm Thị	Loan	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
964	401462	Triệu Thị	Quyết	4014	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
965	401463	Nguyễn Văn	Thành	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
966	401464	Đàm Thị Mỹ	Linh	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
967	401465	Trương Hà	Nam	4014	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
968	401466	Mạch Hồng	Son	4014	CT	28	0	0	0	0	0	0
969	401467	Nguyễn Anh	Dũng	4014	YCXH	28	0	0	12,040,000	0	0	12,040,000
970	401468	Nguyễn Văn	Tùng	4014	CT	25	0	0	0	0	0	0
971	401469	Lý Thị Thu	Hà	4014	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
972	401470	Vi Thị	Thu	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
973	401471	Lâm Thị	Vượng	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
974	401472	Hoàng Thị Hồng	Nhung	4014	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
975	401473	Nguyễn Đức Tài	Minh	4014	BP	27	0	0	0	0	0	0
976	401501	Nguyễn Bình	Dương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
977	401502	Nguyễn Tùng	Dương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
978	401503	Nguyễn Thị	Dịu	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
979	401504	Nguyễn Văn	Huy	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
980	401505	Đỗ Mạnh	Tùng	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
981	401506	Quán Vi Xuân	Sang	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
982	401508	Bùi Phương	Thảo	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
983	401509	Nguyễn Thị	Nhàn	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
984	401510	Phạm Thị Thanh	Thanh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
985	401511	Lâm Đức	Mạnh	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
986	401512	Nguyễn Thị Hương	Anh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
987	401513	Lưu Thị	Hà	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
988	401514	Nguyễn Thị Thu	Huyền	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
989	401515	Nguyễn Thị Hoàng	Giang	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
990	401516	Lê Thị	Thom	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
991	401517	Nguyễn Kim	Hoàn	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
992	401518	Trần Thị Hồng	Anh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
993	401519	Đào Thị Huyền	Trang	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
994	401520	Nguyễn Kiều	Trinh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
995	401521	Trần Huệ	Trinh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
996	401523	Nguyễn Thị Xong	Ngân	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
997	401524	Lê Phương	An	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
998	401525	Bùi Thị	Dung	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
999	401526	Hoàng Thị Lan	Hương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1000	401528	Phạm Thị	Vân	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1001	401529	Lê Thùy	Dương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1002	401530	Lăng Thị	Hoa	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1003	401531	Đoàn Thị Khánh	Hoà	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1004	401532	Trịnh Thị Trâm	Anh	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1005	401533	La Thị Ngọc	Châm	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1006	401534	Dương Minh	Trang	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1007	401535	Phạm Minh	Châu	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1008	401536	Vũ Diệu	Hoàn	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1009	401537	Nguyễn Thị Thu	Thảo	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1010	401538	Thiều Ngọc	Son	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1011	401539	Lường Thị	Thanh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1012	401540	Nguyễn Thị Nhật	Linh	4015	GHP	27	0	0	24,300,000	0	0	24,300,000
1013	401541	Nguyễn Thị	Huệ	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1014	401543	Trần Minh	Khải	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1015	401544	Nguyễn Thị	Mai	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1016	401545	Võ Khánh	Bách	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1017	401546	Trần Uyên	Chi	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1018	401547	Hà ánh	Ngọc	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1019	401548	Lê Trọng	Đạt	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1020	401549	Phạm Mai	Thảo	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1021	401550	Nông Thị	Son	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1022	401551	Dương Thị Thu	Hương	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1023	401552	Hoàng Thị	Len	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1024	401553	Cao Thị Thu	Hoài	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1025	401554	Thào A	Chứ	4015	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1026	401555	Trần Lan	Hương	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1027	401556	Nguyễn Mai Quỳnh	Trang	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1028	401557	Chu Thị	Duyên	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1029	401558	Nguyễn Thị	Hiền	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1030	401559	Đặng Thị Hồng	ánh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1031	401560	Vàng Thị	Cúc	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1032	401561	Nguyễn Việt	Hà	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1033	401562	Bùi Thị Mỹ	Duyên	4015	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1034	401563	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1035	401564	Cao Thị Hồng	Nhung	4015	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1036	401565	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1037	401566	Đàm Anh	Tự	4015	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1038	401567	Đào Thái	Phuong	4015	CT	27	0	0	0	0	0	0
1039	401568	Hoàng Thị Lê	Na	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1040	401569	Lục Thảo	Hiếu	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1041	401570	Ma Văn	Thức	4015	CT	27	0	0	0	0	0	0
1042	401571	Lương Hoàng Thảo	Chi	4015	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1043	401572	Thiều Thị	Trinh	4015	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1044	401590	Lường Thị	Hồng	4015	YCXH	27	0	0	0	0	0	0
1045	401601	Nông Thanh	Giang	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1046	401602	Nguyễn Thị Thu	Chuyên	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1047	401603	Vũ Hồng	Hạnh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1048	401604	Trần Ngọc	Lê	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1049	401605	Lê Thị Phương	Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1050	401606	Lưu Thành	Tâm	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1051	401607	Ngô Thị Thùy	Dung	4016	GHP	27	0	0	24,300,000	0	0	24,300,000
1052	401608	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1053	401609	Phạm Thị Khánh	Hòa	4016	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1054	401610	Đinh Văn	Hiệu	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1055	401611	Phùng Thị	Mơ	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1056	401612	Trần Đình	Thắng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1057	401613	Trịnh Việt	Cường	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1058	401614	Vũ Thị Hải	Yên	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1059	401615	Lê Thị	ánh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1060	401616	Hà Hải	Nam	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1061	401617	Hà Huy	Quyền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1062	401618	Nguyễn Thị Diệu	Linh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1063	401619	Dương Ngọc	Lan	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1064	401620	Nguyễn Thị Huyền	Anh	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1065	401621	Trần Đức	Hạnh	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1066	401622	Đào Thị Bích	Phuong	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1067	401626	Lê Thị Thúy	Hằng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1068	401627	Nguyễn Ngọc	Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1069	401628	Bùi Hải	Yên	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1070	401629	Hoàng Vân	Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1071	401630	Trần Hải	Đăng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1072	401631	Nguyễn Quang	Quyền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1073	401632	Nguyễn Trần Phương	Thảo	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1074	401633	Nguyễn Nhật	Linh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1075	401634	Phạm Thị Thanh	Huong	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1076	401635	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1077	401636	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1078	401637	Phạm Minh	Hiếu	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1079	401638	Phan Thị Bảo	Khuyên	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1080	401639	Hồ Thị	Hiền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1081	401640	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1082	401641	Trần Thị Minh	Huyền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1083	401643	Bùi Thúy	Hồng	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1084	401644	Bùi ánh	Ngọc	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1085	401645	Trần Phương	Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1086	401646	Lê Sỹ	Cường	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1087	401647	Ngô Thuý	Trang	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1088	401648	Lò Đức	Giang	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1089	401649	Bùi Thị Hồng	Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1090	401650	Nguyễn Thị Vân	Anh	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1091	401651	Dương Thị Thùy	Ngân	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1092	401652	Nguyễn Thị	Linh	4016	BT	23	0	2	4,140,000	0	360,000	4,500,000
1093	401653	Ma Thị	ánh	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1094	401654	Thào A	Pó	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1095	401655	Diệp Thị	Thiện	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1096	401656	Nguyễn Khánh	Linh	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1097	401657	Trương Thị ánh	Tuyết	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1098	401658	Nông Thị	Loan	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1099	401659	Phan Thị Thanh	Hải	4016	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1100	401660	Nguyễn Thị	Định	4016	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1101	401661	Lê Thị Thanh	Huyền	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1102	401662	Trần Thị	Oanh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1103	401663	Mạc Quỳnh	Anh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1104	401664	Lê Thị	Thư	4016	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1105	401665	Giàng Thị	Pằng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1106	401666	Nguyễn Thị Thuý	Linh	4016	YCXH	25	0	0	10,750,000	0	0	10,750,000
1107	401667	Trương Văn	Hướng	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1108	401668	Nguyễn Thanh	Thuận	4016	CT	25	0	0	0	0	0	0
1109	401669	Đinh Thị	Phương	4016	CT	27	0	0	0	0	0	0
1110	401670	Hoàng Văn	Hung	4016	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
1111	401671	Nguyễn Văn	Lực	4016	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
1112	401672	Chu Thị	Oanh	4016	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1113	401690	Hà Thị Minh	Ngọc	4016	YCXH	27	0	0	0	0	0	0
1114	401701	Bùi Huyền	Trang	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1115	401702	Dương Kiều	Anh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1116	401703	Nguyễn Văn	Tuyền	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1117	401704	Trần Thị	Hồng	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1118	401705	Trịnh Tổ	Uyên	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1119	401706	Nguyễn Ngọc	Tú	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1120	401707	Đào Lê Minh	Trang	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1121	401708	Tạ Kiều	Trang	4017	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1122	401709	Vũ Minh	Châu	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1123	401711	Vũ Thị Hương	Giang	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1124	401712	Trương Hoài Thu	Hương	4017	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1125	401713	Trần Phương	Uyên	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1126	401714	Phạm Thị	ánh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1127	401715	Phạm Thị Thu	Trà	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1128	401716	Bùi Thị	Linh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1129	401717	Trần Xuân	Thiện	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1130	401718	Trần Thị Hương	Thom	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1131	401719	Vũ Thị Phương	Thảo	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1132	401720	Nguyễn Thị Huệ	Chi	4017	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1133	401721	Tô Thị Hương	Ly	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1134	401723	Trần Hoàng	Anh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1135	401724	Chu Tuệ	Anh	4017	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1136	401725	Trần Thị Minh	Hằng	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1137	401726	Văn Thị	Ngọc	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1138	401727	Doãn Ngọc	ánh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1139	401728	Nguyễn Thanh	Mai	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1140	401729	Lê Trâm	Anh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1141	401730	Nguyễn Hoàng Ngọc	Chi	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1142	401731	Giang Bảo	Ngọc	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1143	401732	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1144	401733	Trần Huyền	Trang	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1145	401734	Ngô Thị Linh	Huyền	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1146	401735	Nguyễn Khánh	Hạ	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1147	401736	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1148	401737	Hoàng Khánh	Linh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1149	401738	Hoàng Tuấn	Anh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1150	401739	Hoàng Thị	Thương	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1151	401740	Lê Thị Hồng	Xoan	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1152	401741	Nguyễn Thành	Minh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1153	401742	Đỗ Ngọc	Anh	4017	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1154	401743	Nguyễn Thị Hải	Huyền	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1155	401744	Nông Thị	Xâm	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1156	401745	Phạm Thị	ánh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1157	401746	Bùi Thị Trà	My	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1158	401747	Nguyễn Thị	Hằng	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1159	401748	Nguyễn Thị Thanh	Mai	4017	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1160	401749	Hoàng Thu	Huong	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1161	401750	Bùi Thị Lan	Anh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1162	401751	Trần Thu	Ngân	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1163	401752	Hoàng Thị	Chiên	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1164	401753	Vương Thị Tuyết	Trinh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1165	401754	Nguyễn Thị	Hà	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1166	401755	Triệu Thùy	Linh	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1167	401756	Dương Thị Hồng	Nhung	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1168	401757	Lê Thị	Hà	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1169	401758	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1170	401759	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1171	401760	Bùi Thị	Mến	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1172	401761	Vũ Thị	Phuong	4017	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1173	401762	Hà Thị	Bình	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1174	401763	Nguyễn Thị Như	Ngọc	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1175	401764	Tân Thị	Thảo	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1176	401765	Nguyễn Thị	Thanh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1177	401767	Triệu Văn	Vượng	4017	CT	28	0	0	0	0	0	0
1178	401768	Hạng A	Tia	4017	CT	27	0	0	0	0	0	0
1179	401769	Tòng Thị	Mai	4017	CT	28	0	0	0	0	0	0
1180	401770	Nguyễn Tiến	Thành	4017	YCXH	28	0	0	12,040,000	0	0	12,040,000
1181	401771	Hoàng Diệu	Huong	4017	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1182	401772	Lê Thái	Anh	4017	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1183	401790	Lâm Thị Kiều	Diễm	4017	YCXH	28	0	0	0	0	0	0
1184	401801	Chu Quang	Quyển	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1185	401802	Phùng Thị	Phượng	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1186	401803	Lê Thị Thanh	Nhàn	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1187	401804	Nguyễn Thị Thúy	An	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1188	401805	Đỗ Khánh	Linh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1189	401806	Vũ Thị	Duyên	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1190	401807	Lê Thị	Hằng	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1191	401808	Nguyễn Đức	Dương	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1192	401809	Bùi Hải	Linh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1193	401810	Phùng Thị ánh	Tuyết	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1194	401811	Trần Hoài	Nam	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1195	401812	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1196	401813	Trần Thị Quỳnh	Trang	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1197	401814	Vũ Thị Tố	Chinh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1198	401815	Vũ Thị	Nhàn	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1199	401816	Đậu Thị	Mai	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1200	401817	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1201	401818	Nguyễn Thị Hồng	Vân	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1202	401819	Trần Ngọc	Tuyết	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1203	401821	Hoàng Phương	Thảo	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1204	401822	Phạm Thị Việt	Hà	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1205	401824	Phạm Thị Thùy	Dương	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1206	401825	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1207	401826	Ngô Thị Nhật	Hạnh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1208	401827	Trần Lê	Minh	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1209	401828	Phạm Thị	Nga	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1210	401829	Phạm Bình	Trọng	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1211	401830	Đỗ Thị	Yến	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1212	401831	Hứa Thị Thảo	Ly	4018	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1213	401832	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1214	401833	Trần Bùi Ngọc	Oanh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1215	401834	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1216	401835	Vũ Thị Tố	Nga	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1217	401836	Dương Việt	Hà	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1218	401838	Nguyễn Hoa Quỳnh	Hương	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1219	401839	Phạm Thị Ngọc	Huyền	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1220	401840	Ngô Hồng	Hạnh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1221	401841	Đỗ Thị Phương	Thảo	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1222	401842	Vũ Thị	Linh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1223	401843	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1224	401844	Trương Thị Hải	Anh	4018	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1225	401845	Đỗ Thị Ngọc	Linh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1226	401846	Nguyễn Thị Anh	Thư	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1227	401847	Nguyễn Thị Hải	Yến	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1228	401849	Nguyễn Phương	Thảo	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1229	401851	Lê Thị	Hoan	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1230	401852	Hoàng Thị Ngọc	Anh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1231	401854	Trịnh Thị Phương	Anh	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1232	401855	Hoàng Việt	Cường	4018	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1233	401856	Nguyễn Phương	Huyền	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1234	401857	Nguyễn Hồng	Nhung	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1235	401859	Trần Văn	Quân	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1236	401860	Nguyễn Việt	Hoàng	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1237	401861	Nguyễn Thu	Hăng	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1238	401862	Hoàng Hồng	Hạnh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1239	401863	Dương Thị Lan	Hương	4018	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1240	401864	Đoàn Thu	Trang	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1241	401865	Hoàng Văn	Quyết	4018	BT	22	0	0	3,960,000	0	0	3,960,000
1242	401866	Nguyễn Thúy	Quỳnh	4018	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1243	401867	Đặng Thị Quỳnh	Trang	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1244	401868	Lê Hà	Khanh	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1245	401869	Trần Thị Thu	Thủy	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1246	401870	Nguyễn Xa	Hoàng	4018	CT	28	0	0	0	0	0	0
1247	401871	Trần Mạnh	Cường	4018	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1248	401872	Lục Thị	Ngà	4018	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1249	401901	Đỗ Thanh	Hương	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1250	401902	Trịnh Thị	Giang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1251	401903	Nguyễn Minh	Hoàng	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1252	401904	Nguyễn Thị	Giang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1253	401905	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1254	401906	Trần Thị	Hường	4019	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1255	401907	Phan Như	Quỳnh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1256	401908	Lê Nguyễn Thạch	Thảo	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1257	401909	Nguyễn Thu	Trang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1258	401910	Nguyễn Thành	Đồng	4019	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1259	401911	Nguyễn Thị	Hiền	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1260	401912	Trịnh Thị Thủy	Trang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1261	401913	Trần Minh	Phúc	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1262	401914	Hoàng Bích	Diệp	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1263	401915	Phan Thị	Minh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1264	401917	Vũ Đài	Trang	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1265	401918	Nguyễn Đào Phương	Linh	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1266	401919	Đỗ Ngọc Thủy	Dương	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1267	401921	Vũ Thanh	Huyền	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1268	401922	Nguyễn Phương	Thảo	4019	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1269	401924	Phạm Ngọc Khánh	Linh	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1270	401925	Nguyễn Trà	My	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1271	401926	Trần Thị Như	Phương	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1272	401927	Nguyễn Thị Thái	Hòa	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1273	401928	Hoàng Thị Thanh	Ngọc	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1274	401929	Nguyễn Thị Lan	Anh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1275	401932	Nguyễn Thị Phương	Hăng	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1276	401933	Chu Thị	Quỳnh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1277	401934	Bùi Phương	Linh	4019	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1278	401935	Phạm Ngọc	Hà	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1279	401936	Nguyễn Hồng	Nhiên	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1280	401937	Trần Thị Hà	Phuong	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1281	401938	Đinh Ngọc	Anh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1282	401939	Phạm Nguyễn Quang	Minh	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1283	401941	Phạm Thị Thảo	Ngọc	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1284	401942	Bùi Thị	Thom	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1285	401943	Nguyễn Thị	Quỳnh	4019	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1286	401944	Hoàng Thị	Phuong	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1287	401945	Lê Thị	Hiền	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1288	401946	Đặng Bích	Phuong	4019	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1289	401947	Trần Thị Thanh	Bình	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1290	401948	Nguyễn Thu	Trang	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1291	401949	Đặng Thị	Hiền	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1292	401950	Hà Thị Hương	Nhi	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1293	401951	Nguyễn Thị	Nhàn	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1294	401952	Lê Linh	Chi	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1295	401953	Nguyễn Thị Tú	Anh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1296	401954	Đỗ Thị	Uyên	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1297	401955	Nguyễn Đức	Thành	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1298	401956	Đào Thùy	Trang	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1299	401957	Nguyễn Bích	Hòa	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1300	401958	Trần Thị	Anh	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1301	401959	Phạm Thị	Thảo	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1302	401960	Nguyễn Thị	Trang	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1303	401961	Sầm Thị	Tuyền	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1304	401962	Lò Thị	Mừng	4019	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1305	401963	Nguyễn Văn	Thiên	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1306	401964	Đinh Thị	Ngân	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1307	401965	Chu Thị	Ngọc	4019	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1308	401966	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1309	401967	Mai Huệ	An	4019	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
1310	401968	Ma Đức	Lượng	4019	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1311	401969	Nông Văn	Vượng	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1312	401970	Nguyễn Trung	Hiếu	4019	CT	27	0	0	0	0	0	0
1313	401971	Nông Thị Thanh	Xoan	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1314	401972	Hoàng Thị Thu	Hiền	4019	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1315	401973	Nguyễn Văn	Long	4019	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1316	402001	Nguyễn Thị	Huyền	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1317	402002	Lê Phương	Thảo	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1318	402003	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1319	402004	Phạm Nhật	Lệ	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1320	402005	Bùi Thị Phương	Thảo	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1321	402006	Nguyễn Thảo	Linh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1322	402007	Phạm Mai	Phương	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1323	402008	Phạm Thị	Sinh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1324	402009	Đào Duy	Cương	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1325	402010	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1326	402011	Nguyễn Thị Thu	Chà	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1327	402012	Nguyễn Văn	Mạnh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1328	402013	Trần Thanh	Tùng	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1329	402015	Lê Thị Ngọc	Hồng	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1330	402016	Đặng Thị Lan	Phương	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1331	402017	Đàm Ngọc Mai	Phương	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1332	402018	Lê Huyền Thảo	My	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1333	402019	Đoàn Thị Thu	Thảo	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1334	402020	Lê Thị Thanh	Xuân	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1335	402021	Nguyễn Thùy	Dung	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1336	402022	Nguyễn Thị Phương	Anh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1337	402024	Nguyễn Phương	Linh	4020	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1338	402026	Bùi Thị Thùy	Anh	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1339	402027	Trần Thị Mỹ	Duyên	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1340	402028	Nguyễn Nhật	Đức	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1341	402029	Nguyễn Anh	Hùng	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1342	402030	Lưu Thị Hồng	Thu	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1343	402031	Trần Hữu	Đức	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1344	402032	Nguyễn Thị Trung	Anh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1345	402033	Phạm Thị Thục	Anh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1346	402034	Cao Phương	Thảo	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1347	402036	Lê Hương	Quỳnh	4020	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1348	402037	Phạm Thị Hồng	Ngọc	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1349	402038	Đỗ Trọng	Đạt	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1350	402039	Phạm Thị	Hương	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1351	402040	Vũ Thị	Dân	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1352	402041	Trương Diệu	Linh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1353	402042	Lò Mùi	Liều	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1354	402043	Nguyễn Thị Thiên	Hương	4020	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1355	402044	Nguyễn Thị Kim	Quý	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1356	402045	Trịnh Thị	Tuyền	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1357	402046	Nguyễn Kim	Chi	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1358	402047	Trương Thị Thu	Trang	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1359	402048	Ma Thị Diệu	Huyền	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1360	402049	Nguyễn Thị	Lan	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1361	402050	Hoàng Thị	Vân	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1362	402051	Đào Thị	Hương	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1363	402052	Đặng Thị	Tâm	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1364	402053	Bùi Thị	Thủy	4020	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1365	402055	Hoàng Thị	Lực	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1366	402056	Nguyễn Thị Thắng	Hà	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1367	402057	Đinh Kiều	Oanh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1368	402058	Hoàng Thị Xuân	Quỳnh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1369	402059	Lê Thị	Ninh	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1370	402060	Triệu Thị	Hằng	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1371	402061	Trần Thị Thanh	Mai	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1372	402062	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1373	402063	Hoàng Thị Đình	Mỹ	4020	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1374	402064	Lương Thảo	Chi	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1375	402066	Lê Thị Hồng	Ngát	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1376	402067	Vàng A	Mú	4020	CT	25	0	0	0	0	0	0
1377	402068	Vàng Go	De	4020	CT	25	0	0	0	0	0	0
1378	402069	Trương Thị	Hoa	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1379	402070	La Thị Khánh	Ly	4020	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1380	402071	Lục Thị Thanh	Ngân	4020	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1381	402072	Phạm Thị Ngọc	Diệp	4020	BT	17	0	0	3,060,000	0	0	3,060,000
1382	402065	Vũ Thùy	Linh	4021	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1383	402101	Nguyễn Thị Khánh	Ly	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1384	402102	Lê Văn	Linh	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1385	402103	Lê Thị Thu	Thảo	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1386	402104	Vũ Thị	Giang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1387	402105	Vũ Quang	Khải	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1388	402106	Ngô Thị Thu	Trang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1389	402108	Trần Hiền	Phương	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1390	402109	Nguyễn Cẩm	Nhung	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1391	402110	Nguyễn Tiến	Đạt	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1392	402111	Trần Hoàng	Phước	4021	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1393	402112	An Minh	Cường	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1394	402113	Đinh Hoàng	Anh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1395	402114	Trần Trung	Đức	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1396	402115	Phạm Khánh	Linh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1397	402116	Trần Văn	Đức	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1398	402117	Hoàng Minh	Trang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1399	402118	Lê Minh	Nguyệt	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1400	402119	Phạm Thị Mai	Lan	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1401	402121	Trần Thị Hải	Yến	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1402	402123	Phạm Thùy	Dương	4021	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1403	402124	Vũ Thị Thanh	Tâm	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1404	402125	Trịnh Khánh	Linh	4021	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1405	402126	Lê Văn	Cao	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1406	402128	Lê Thị Mỹ	Hà	4021	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1407	402129	Vũ Thị	Ngọc	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1408	402130	Ngô Minh	Son	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1409	402131	Đinh Kiều	Anh	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1410	402132	Đoàn Lan	Anh	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1411	402133	Nguyễn Hồng	Anh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1412	402135	Nguyễn Hải	Ly	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1413	402136	Phạm Thị	Trang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1414	402137	Nguyễn Thanh	Long	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1415	402138	Nguyễn Thị	Thu	4021	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1416	402139	Trần Hà	My	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1417	402141	Trần Diệp	Hằng	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1418	402142	Lã Thị Kim	Dung	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1419	402143	Nguyễn Thị	Ly	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1420	402144	Nguyễn Tiến	Giang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1421	402146	Hoàng Thu	Thảo	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1422	402147	Đặng Thị Thanh	Hà	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1423	402148	Ngô Thị	Hạnh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1424	402149	Bùi Thị	Giang	4021	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1425	402150	Đỗ Thị	Giang	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1426	402151	Đào Anh	Dũng	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1427	402152	Vũ Thị Ngọc	ánh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1428	402153	Đào Thị Vân	Anh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1429	402154	Đào Thị	Yến	4021	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1430	402155	Nguyễn Thị Tú	Anh	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1431	402156	Tạ Minh	Loan	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1432	402157	Hà Thị	Hường	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1433	402158	Tô Thị Thu	Hà	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1434	402160	Vương Quốc	Nam	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1435	402161	Ngô Thị Kim	Oanh	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1436	402162	Đào Thị	Yến	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1437	402163	Lê Thị Mai	Hương	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1438	402164	Trần Thị Hà	Tiên	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1439	402165	Nguyễn Thúy	Hằng	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1440	402166	Vàng Thị	Xuân	4021	CT	27	0	0	0	0	0	0
1441	402167	Đỗ Nhật	Lệ	4021	CT	25	0	0	0	0	0	0
1442	402168	Lâu A	Thu	4021	CT	27	0	0	0	0	0	0
1443	402169	Dương Việt	Thành	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1444	402170	Đào Hoàng	Dung	4021	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1445	402171	Hoàng Minh	Thư	4021	BT	0	0	0	0	0	0	0
1446	402172	Hà Hồng	Hiệp	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1447	402173	Nông Văn	Nam	4021	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1448	402201	Trần Thị Trà	My	4022	BT	19	0	0	3,420,000	0	0	3,420,000
1449	402202	Phạm Quốc	Huy	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1450	402203	Hoàng Hồng	Ngọc	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1451	402204	Nguyễn Hải	Ninh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1452	402205	Phạm Thị Linh	Trang	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1453	402206	Lò Thị Trang	Nhung	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1454	402207	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1455	402208	Nguyễn Thị	Xuân	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1456	402210	Nguyễn Thị Phương	Anh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1457	402211	Phạm Thị	Tuyết	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1458	402212	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1459	402213	Chu Mạnh	Luân	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1460	402214	Phùng Thị Kiều	Oanh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1461	402215	Nguyễn Thùy	Dung	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1462	402216	Phí Nguyễn Phương	Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1463	402217	Hoàng Ngọc	Cương	4022	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1464	402218	Thào Công	Minh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1465	402219	Đỗ Thùy	Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1466	402220	Lê Thị Thuý	Dương	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1467	402221	Đào Khánh	Huyền	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1468	402222	Bùi Thị Kim	Dung	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1469	402223	Nguyễn Thị Hương	Giang	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1470	402224	Nguyễn Ngọc	Linh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1471	402225	Trần Văn	Anh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1472	402226	Phạm Xuân	Trường	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1473	402227	Đỗ Phương	Thùy	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1474	402230	Vũ Thị Minh	Hằng	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1475	402231	Phan Thu	Phương	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1476	402232	Nguyễn Phương	Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1477	402233	Lê Phương	Thảo	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1478	402234	Hà Thị Minh	Phương	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1479	402236	Nguyễn Thu	Yến	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1480	402237	Nguyễn Thuý	Linh	4022	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1481	402238	Chu Liên	Thương	4022	MHP	28	0	0	0	0	0	0
1482	402239	Nguyễn Mỹ	Hạnh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1483	402241	Nguyễn Thị	Hoa	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1484	402242	Nguyễn Thu	Trang	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1485	402243	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1486	402244	Tăng Văn	Hiên	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1487	402245	Nguyễn Thị	Giang	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1488	402246	Châu Thị	Ninh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1489	402247	Trương Thị Như	Quỳnh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1490	402248	Triệu Linh	Đan	4022	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1491	402249	Chờ Thị	Huyền	4022	BT	0	0	0	0	0	0	0
1492	402250	Hà Thị	Phương	4022	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1493	402251	Nông Phương	Thảo	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1494	402252	Nông Thị Thu	Hoài	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1495	402253	Cà Văn	Chung	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1496	402254	Doãn Thị Thu	Hường	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1497	402255	Nguyễn Thu	Quỳnh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1498	402256	Nguyễn Thị	Tinh	4022	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1499	402257	Nguyễn Thu	Trang	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1500	402258	Hà Thị	Xuyến	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1501	402259	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1502	402260	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1503	402261	Nguyễn Thị Anh	Thư	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1504	402262	Trần Thị Hồng	Vinh	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1505	402263	Hiệp Thị	Đoàn	4022	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1506	402264	Nguyễn Thị	Hiên	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1507	402265	Nguyễn Sỹ	Quang	4022	BT	17	0	0	3,060,000	0	0	3,060,000
1508	402266	Hà Thị Hồng	Ngọc	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1509	402267	Lãnh Đức	Thiện	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1510	402268	Hà Linh	Chi	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1511	402269	Phạm Hoàng	Yến	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1512	402270	Nguyễn Thị	Hoa	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1513	402271	Bế Thị Kiều	Diễm	4022	MHP	28	0	0	0	0	0	0
1514	402272	Hoàng Thị Thùy	Linh	4022	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1515	402273	Trần Cao Quỳnh	Hương	4022	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1516	402301	Tạ Thị Phương	Thảo	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1517	402302	Nguyễn Văn	Mười	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1518	402303	Trần Anh	Tuấn	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1519	402304	Nguyễn Hoàng	Trang	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1520	402305	Trần Xuân	Đức	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1521	402306	Bạc Cẩm Thị	Thật	4023	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1522	402307	Trần Linh	Chi	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1523	402308	Nguyễn Gia	Tiến	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1524	402309	Phạm Thanh	Tùng	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1525	402310	Lê Anh	Sáng	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1526	402312	Hà Thị Linh	Hương	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1527	402313	Phạm Tùng	Sơn	4023	BT	17	0	0	3,060,000	0	0	3,060,000
1528	402314	Đỗ Thị Khánh	Ly	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1529	402315	Nguyễn Ngọc	ánh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1530	402316	Cao Thị	Quỳnh	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1531	402317	Vũ Thị Khánh	Linh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1532	402318	Nguyễn Thị Huyền	My	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1533	402320	Lê Thị	Hoài	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1534	402323	Trần Hồng	Hạnh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1535	402324	Nguyễn Thanh	Loan	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1536	402325	Lê Hoàng Yên	Nhi	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1537	402326	Đỗ Thị Thanh	Hằng	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1538	402327	Thiều Nguyễn Duy	Anh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1539	402328	Ngô Tôn Phương	Anh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1540	402329	Vũ Thị	Xuân	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1541	402330	Trương Ngọc	Huyền	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1542	402331	Phạm Thảo	Vân	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1543	402332	Trần Tú	Anh	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1544	402334	Nguyễn Phương	Thanh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1545	402335	Phạm Thị Việt	Mỹ	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1546	402336	Nguyễn Phương	Anh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1547	402337	Nguyễn Thị	Lụa	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1548	402338	Xin Thị	Liên	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1549	402339	Lương Thị	Thảo	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1550	402340	Bùi Thu	Thảo	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1551	402341	Nguyễn Phương	Linh	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1552	402342	Đỗ Văn	Phúc	4023	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1553	402343	Phạm Văn	Hưng	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1554	402344	Lê Thị	Phượng	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1555	402345	Bùi Thị Quỳnh	Trâm	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1556	402346	Đặng Thị	Liêm	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1557	402347	Phạm Thị Hạnh	4023	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1558	402348	Bùi Thị Hà	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1559	402349	Nguyễn Thị Ngọc Hân	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1560	402350	Đỗ Thị Thái Hà	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1561	402351	Đinh Thùy Linh	4023	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1562	402352	Triệu Văn Tuyền	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1563	402353	Đàm Thị Thảo	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1564	402354	Phạm Thị Hương	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1565	402355	Lương Thị Vân	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1566	402356	Đàm Thị Kiều	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1567	402357	Phùng Thị Quý	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1568	402358	Trần Thị Thuý	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1569	402359	Lê Thị Hạnh	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1570	402360	Hoàng Thị Trang	4023	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1571	402361	Trần Thị Ngọc ánh	4023	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1572	402362	Hoàng Thị Mai	4023	MHP	28	0	0	0	0	0	0
1573	402363	Hoàng Thị Sen	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1574	402365	Đặng Thị Minh Ngọc	4023	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1575	402366	Hoàng Thị Phòng	4023	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1576	402367	Lê Văn Cương	4023	CT	27	0	0	0	0	0	0
1577	402368	Đinh Anh Thiện	4023	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
1578	402369	Nguyễn Thu Thảo	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1579	402370	Ngô Thanh Huyền	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1580	402371	Nguyễn Thị Huệ	4023	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1581	402372	Lục Thị Nhình	4023	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1582	402373	Sùng A Tình	4023	MHP	23	0	0	0	0	0	0
1583	402401	Lò Thị Hương	4024	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1584	402402	Nguyễn Gia Mạnh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1585	402403	Nguyễn Triều Dương	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1586	402405	Kiều Phương Linh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1587	402406	Bùi Tiên Anh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1588	402407	Vũ Thùy Trang	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1589	402409	Nguyễn Thị Thùy Dung	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1590	402410	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1591	402411	Nguyễn Thùy Vinh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1592	402412	Nguyễn Anh Thư	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1593	402413	Ngô Thị Thúy Hằng	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1594	402414	Lê Quốc Anh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1595	402415	Nguyễn Thị Thùy Trang	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1596	402416	Hoàng Minh Thuý	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1597	402417	Hoàng Thị Thuỷ	4024	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1598	402418	Vũ Thị Hiên	4024	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1599	402420	Hoàng Thị Thanh Trà	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1600	402421	Vũ Thanh Hương	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1601	402422	Nguyễn Thùy Dung	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1602	402423	Ngô Diệu Linh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1603	402424	Nguyễn Thùy Linh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1604	402425	Lê Thị Thúy Hòa	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1605	402426	Lê Quang Đán	4024	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1606	402427	Nguyễn Thị Thùy Trang	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1607	402428	Đỗ Thị Thu Hà	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1608	402429	Ngô Thị Nhân	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1609	402430	Nguyễn Thị Quỳnh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1610	402431	Chu Thị Liên	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1611	402433	Nguyễn Thị Mỹ Linh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1612	402434	Ngô Thùy Giang	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1613	402435	Nguyễn Thị Hạnh Thu	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1614	402436	Nguyễn Thị Hiên	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1615	402437	Trần Thùy Trang	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1616	402438	Nguyễn Thị Minh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1617	402439	Trương Thị Vân Anh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1618	402440	Vì Thị Kim Ngân	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1619	402441	Dương Ngọc Hà	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1620	402442	Đặng Thị Thùy Tiên	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1621	402443	Nguyễn Thanh Huyền	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1622	402444	Nguyễn Thị Hồng Anh	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1623	402445	Nguyễn Hữu Vinh	4024	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1624	402446	Phạm Trà My	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1625	402447	Nguyễn Hà Thương	4024	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1626	402448	Lương Thị Phương Thảo	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1627	402449	Đoàn Văn Tiệp	4024	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1628	402450	Đào Thị Tú Linh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1629	402451	Đinh Hoàng Thùy Linh	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1630	402452	Phạm Thu Hào	4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1631	402453	Nguyễn Phúc Nam	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1632	402454	Bùi Thị Liên	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1633	402455	Nguyễn Thị Hương Lan	4024	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1634	402456	Hoàng Minh Thành	4024	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1635	402457	Bùi Thị Thanh Tú	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1636	402458	Vũ Thị Yên Nhi	4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1637	402459	Hoàng Thị Hồng		4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1638	402460	Nguyễn Minh Huyền		4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1639	402461	Đinh Thị Trang Nhung		4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1640	402462	Phạm Quốc Cường		4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1641	402463	Nông Thị Nguyệt		4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1642	402464	Đỗ Thị Thảo Anh		4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1643	402465	Cao Thị Giang		4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1644	402466	Hoàng Thị Thùy Anh		4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1645	402467	Dương Linh Chi		4024	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1646	402468	Đặng Ngọc ánh		4024	YCXH	27	0	0	11,610,000	0	0	11,610,000
1647	402469	Nguyễn Văn Thi		4024	CT	27	0	0	0	0	0	0
1648	402470	Hoàng Thị Hải Vân		4024	CT	27	0	0	0	0	0	0
1649	402471	Đinh Kim Quý		4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1650	402472	Lang Vi Tùng Sơn		4024	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1651	402501	Đinh Khánh Toàn		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1652	402502	Phùng Thế Hiệp		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1653	402503	Hoàng Bích Ngọc		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1654	402504	Vũ Thị Ngọc Anh		4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1655	402505	Dương Thị Duyên		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1656	402506	Lê Hồng Nhung		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1657	402508	Nguyễn Thị Hải Hà		4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1658	402509	Vũ Trung Hòa		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1659	402510	Vũ Quang Huy		4025	BT	12	0	0	2,160,000	0	0	2,160,000
1660	402511	Nguyễn Anh Vinh		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1661	402512	Nguyễn Thị Nhật Lệ		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1662	402513	Lê Thiện Quang		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1663	402514	Phạm Ngọc Hùng		4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1664	402515	Nguyễn Thị Hồng Hạnh		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1665	402516	Nông Thị Liệu		4025	BT	0	0	0	0	0	0	0
1666	402517	Nghiêm Hữu Thi		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1667	402518	Lồ Xuân Hùng		4025	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1668	402519	Nguyễn Thảo Linh		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1669	402520	Phạm Thu Thảo		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1670	402521	Đỗ Minh Quang		4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1671	402522	Phạm Thị Phương Anh		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1672	402523	Trần Quốc Lượng		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1673	402524	Hồ Thị Hằng		4025	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1674	402525	Phạm Thị Thương		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1675	402526	Phạm Hồng Nhung		4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1676	402527	Đào Ngọc Huyền		4025	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1677	402528	Phạm Thúy	Hiền	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1678	402529	Vũ Thị	Hường	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1679	402530	Đỗ Hồng	Nhung	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1680	402531	Nguyễn Thị Kim	Hiền	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1681	402532	Ngô Thị Minh	Thúy	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1682	402533	Phùng Thị Thu	Hiền	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1683	402534	Đinh Hoàng	Lộc	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1684	402535	Lê Thị Lan	Hương	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1685	402537	Nguyễn Thị Thu	An	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1686	402538	Nguyễn Thị Vân	Huyền	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1687	402539	Thạch Thị Lâm	Oanh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1688	402540	Lù Thị Diệu	Thúy	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1689	402541	Ngô Thị Thu	Thủy	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1690	402542	Khuong Thuý	Tiên	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1691	402543	Nguyễn Phương	Thảo	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1692	402544	Nguyễn Duy	Hào	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1693	402545	Nguyễn Đức	Anh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1694	402546	Trần Thị ánh	Nguyệt	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1695	402547	Hồ Thị	Mỹ	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1696	402548	Trần Thị	Luyến	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1697	402549	Lăng Thị	Hoài	4025	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1698	402550	Tạ Trần Thu	Hiền	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1699	402551	Hoàng Thị Vân	Thư	4025	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1700	402552	Phạm Thị	Nga	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1701	402553	Chu Ngọc	Diệp	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1702	402554	Đinh Hoàng	Mai	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1703	402555	Triệu Tồn	Man	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1704	402556	Hoàng Thị	Duyên	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1705	402557	Trần Thị	Hằng	4025	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1706	402558	Hoàng Thị	Phân	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1707	402559	Hoàng Thị	Hoa	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1708	402560	Nguyễn Thị	Hằng	4025	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1709	402561	Lộc Thị	Sao	4025	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1710	402562	Lê Thị Hồng	Vân	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1711	402563	Phạm Thị Kiều	Dung	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1712	402565	Vũ Thị Minh	Nguyệt	4025	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1713	402566	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1714	402567	Đinh Minh	Đức	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1715	402568	Trần Thị Ngọc	Mai	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1716	402569	Nguyễn Thị Thu	Hương	4025	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1717	402570	Ngô Thị Bích	Sinh	4025	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1718	402571	Lục Minh	Hoài	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1719	402572	Trần Thị Ngọc	Tú	4025	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1720	402601	Đỗ Lê Huy	Hùng	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1721	402602	Lê Ngọc	Linh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1722	402603	Trịnh Hữu	Đức	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1723	402604	Đào Tuấn	Hiệp	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1724	402605	Nguyễn Thị	Hà	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1725	402606	Phan Khánh	Tùng	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1726	402607	Vương Thị Minh	Hoà	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1727	402608	Nguyễn Việt	Hoàng	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1728	402609	Nguyễn Thị Khánh	Phượng	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1729	402610	Nguyễn Thị Vân	Anh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1730	402611	Đỗ Thị	Dung	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1731	402612	Phạm Thị	Hằng	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1732	402613	Nguyễn Gia	Khởi	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1733	402614	Hứa Quang	Huy	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1734	402615	Phạm Linh	Ngọc	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1735	402616	Dương Thị Hồng	Nhung	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1736	402617	Nguyễn Thùy	Linh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1737	402618	Đặng Thị	Nhận	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1738	402619	Phạm Thị Hoàng	Phương	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1739	402620	Dương Thị	Thảo	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1740	402621	Lê Đặng Việt	Mỹ	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1741	402622	Đàm Thị Thanh	Nhàn	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1742	402626	Nguyễn Đình Bình	Bắc	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1743	402627	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1744	402628	Lê Quỳnh	Chi	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1745	402629	Lương Hoài	Vy	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1746	402630	Phạm Thu	Phương	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1747	402631	Nguyễn Diệu	Linh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1748	402632	Vũ Thu	Thảo	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1749	402633	Phạm Trà	Giang	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1750	402634	Phạm Thị Thanh	Hương	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1751	402635	Nguyễn Thị	Linh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1752	402636	Nguyễn Phương	Thanh	4026	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1753	402637	Hoàng Thị Kim	Anh	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1754	402638	Nguyễn Tường	Linh	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1755	402639	Phạm Thu	Trang	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1756	402640	Tạ Ngọc Bảo	Thư	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1757	402641	Dương Thị Thanh	Mai	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1758	402643	Trần Thị Lệ	Quyên	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1759	402644	Tổng Thị Hương	Giang	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1760	402645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1761	402647	Nguyễn Việt	Hà	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1762	402648	Nguyễn Thị	Sang	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1763	402649	Nông Thị	Đào	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1764	402650	Nguyễn Thị	Hậu	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1765	402651	Hồ Thị	ánh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1766	402652	Vì Thị	Thuyết	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1767	402653	Ngô Duy Hồng	Quân	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1768	402654	Nguyễn Thị	Lành	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1769	402655	Hàn Thị Ngọc	Mai	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1770	402656	Nguyễn Thị	Thuận	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1771	402657	Dương Thị	Dung	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1772	402658	Nguyễn Thị	Huyền	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1773	402659	Đỗ Mai	Hương	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1774	402660	Vũ Lê	Hà	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1775	402661	Nguyễn Thị	Ngọc	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1776	402662	Đỗ Thị	Hoa	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1777	402663	Đỗ Thị	Duyên	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1778	402664	Sùng A	Pênh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1779	402665	Trương Hải	Yến	4026	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1780	402666	Hoàng Thị	Thương	4026	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1781	402667	Lò Văn	Thảo	4026	CT	25	0	0	0	0	0	0
1782	402668	Phạm Lê Ngọc	Anh	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1783	402669	Đinh Thị Thùy	Trang	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1784	402670	Ngô Thu	Hiền	4026	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1785	402671	Hoàng Thị	Xuân	4026	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1786	402672	Chương Thị	Thiên	4026	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1787	402701	Lò Văn	Chung	4027	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1788	402702	Nguyễn Thị Kim	Thoan	4027	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1789	402703	Đặng Anh	Tuấn	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1790	402704	Lê Hữu	Tài	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1791	402705	Trần Hải ánh	Linh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1792	402706	Bùi Thị	Nhung	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1793	402707	Lê Quốc	Phong	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1794	402708	Lê Thị	Quỳnh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1795	402709	Nguyễn Ngọc	Diệp	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1796	402710	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1797	402711	Đặng Bích	Vân	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1798	402712	Nguyễn Việt	Anh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1799	402713	Nguyễn Thị	Ngọc	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1800	402714	Nguyễn Thanh	Phong	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1801	402715	Đào Huy	Hậu	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1802	402716	Phạm Văn	Hoàn	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1803	402717	Trần Phương	Linh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1804	402718	Nguyễn Thị	Thủy	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1805	402719	Trần Minh	Diễm	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1806	402720	Trần Ngọc	Mai	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1807	402721	Đặng Thu	Trang	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1808	402722	Nguyễn Bình	Minh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1809	402723	Hoàng Thảo	Linh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1810	402724	Bùi Thị Thúy	An	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1811	402725	Nguyễn Thị Minh	Hương	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1812	402726	Vì Thị Thúy	An	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1813	402727	Tăng Hoàng	Minh	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1814	402728	Phạm Thị Thúy	Ngân	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1815	402729	Lành Thị Minh	Nguyệt	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1816	402730	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1817	402731	Triệu Ngọc	Mai	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1818	402732	Phan Cẩm	Tú	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1819	402734	Vũ Thị Thùy	Tiên	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1820	402735	Đặng Thị Quỳnh	Anh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1821	402736	Phạm Thị Lan	Hương	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1822	402737	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1823	402738	Nguyễn Thị Thu	Giang	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1824	402739	Hoàng Chi	Linh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1825	402740	Nguyễn Thùy	Giang	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1826	402741	Nguyễn Trung	Dũng	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1827	402743	Trần Văn	Doanh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1828	402744	Mạc Thị	Hiền	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1829	402745	Nguyễn Phương	Anh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1830	402746	Lê Thị Bình	Tiên	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1831	402747	Hồ Văn	Trai	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1832	402748	Cà Thị	Quyên	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1833	402749	Ma Thị Thu	Hoài	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1834	402750	Giăng A	Lào	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1835	402751	Triệu Thị	Mây	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1836	402752	Phạm Văn	Thảo	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1837	402753	Hoàng Thị	Hằng	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1838	402754	Nguyễn Văn	Tân	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1839	402755	Trần Thị Phương	Anh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1840	402756	Nguyễn Như	Quỳnh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1841	402757	Nguyễn Thành	Trung	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1842	402758	Lù Thị	Trang	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1843	402759	Nguyễn Thị	Anh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1844	402760	Bùi Huyền	Trang	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1845	402761	Đồng Thị Ngọc	Thơ	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1846	402763	Màng Thị	Nhơn	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1847	402764	Triệu Thị Thanh	Viễn	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1848	402765	Nguyễn Thị Khánh	Linh	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1849	402766	Bùi Văn	Hào	4027	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1850	402767	Nguyễn Thùy	Dung	4027	MHP	27	0	0	0	0	0	0
1851	402768	Bùi Thị Thu	Uyên	4027	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1852	402769	Hoàng Thị	Hoa	4027	CT	27	0	0	0	0	0	0
1853	402770	Dương Thị	Iêm	4027	CT	27	0	0	0	0	0	0
1854	402771	Lê Thị	Xuân	4027	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1855	402772	Hoàng Thị Đan	Phương	4027	BT	20	0	0	3,600,000	0	0	3,600,000
1856	402801	Phạm Thị Ngọc	ánh	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1857	402802	Tổng Thị Thúy	Hòa	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1858	402803	Nguyễn Lâm	Phú	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1859	402804	Trần Đức	Lợi	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1860	402805	Nguyễn Lê	Ngọc	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1861	402806	Hoàng Thị Minh	Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1862	402807	Hoàng Anh	Văn	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1863	402808	Nguyễn Thị	Hương	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1864	402809	Vũ Đình	Hưng	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1865	402810	Trần Thị Thanh	Nhàn	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1866	402811	Nguyễn Quốc	Kiên	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1867	402812	Nguyễn Thị Thanh	Nga	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1868	402813	Trần Thắng	Long	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1869	402814	Lê Hồng	Thắm	4028	BT	23	0	0	4,140,000	0	0	4,140,000
1870	402815	Lương Hoàng	Anh	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1871	402816	Phạm Thị Ngọc	ánh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1872	402817	Bùi Anh	Tuấn	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1873	402818	Trần Thị Thùy	Dương	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1874	402820	Lê Anh	Thư	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1875	402821	Nguyễn Đăng	Minh	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1876	402822	Đỗ Thị Phương	Mai	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1877	402823	Nguyễn Ngọc	Phuong	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1878	402824	Phạm Văn	Tuyên	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1879	402825	Vũ Thu	Huong	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1880	402827	Hoàng Ngọc	Chi	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1881	402828	Đỗ Tùng	Son	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1882	402829	Trần Minh	Anh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1883	402830	Lê Thị Thu	Anh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1884	402831	Võ Thị Ngọc	Loan	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1885	402832	Phạm Thị Mỹ	Linh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1886	402833	Nguyễn Mai	Loan	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1887	402834	Lê Nữ Thục	Anh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1888	402835	Nguyễn Thị	Mây	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1889	402836	Nguyễn Hồng	Vân	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1890	402837	Nguyễn ánh	Quyên	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1891	402838	Phạm	Duy	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1892	402839	Nguyễn Phương	Anh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1893	402840	Hà Anh	Tú	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1894	402841	Hoàng Trung	Kiên	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1895	402842	Ma Thị Minh	Hằng	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1896	402843	Quyên Thị Thúy	Nga	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1897	402844	Nông Thị	Hoa	4028	MHP	25	0	0	0	0	0	0
1898	402845	Nguyễn Thu	Phuong	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1899	402846	Phạm Tân	Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1900	402847	Nguyễn Minh	Thùy	4028	BT	0	0	0	0	0	0	0
1901	402848	Vừ A	Tòa	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1902	402849	Nguyễn Thị	Gái	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1903	402850	Lang Thị	Trang	4028	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1904	402851	Phạm Thị Linh	Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1905	402852	Vũ Thị Thanh	Xuân	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1906	402853	Hà Thị Kim	Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1907	402854	Dương Thị	Huyền	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1908	402855	Nguyễn Thị	Quỳnh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1909	402856	Nguyễn Thu	Thoàn	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1910	402857	Nguyễn Thị	Trang	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1911	402859	Nguyễn Ngân	Hồng	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1912	402860	Nguyễn Thị Hải	Linh	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1913	402861	Hoàng Thu	Trang	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1914	402862	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	4028	BT	28	0	0	5,040,000	0	0	5,040,000
1915	402863	Phạm Thị Diệu	Hằng	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1916	402864	Nông Thị	Hằng	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1917	402865	Trương Thị	Thủy	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1918	402866	Nông Tư	Vị	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1919	402867	Nguyễn Mạnh	Đức	4028	CT	27	0	0	0	0	0	0
1920	402868	Hoàng Thế	Lập	4028	CT	27	0	0	0	0	0	0
1921	402869	Nông Lê Minh	Tâm	4028	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
1922	402870	Lò Thị	Phước	4028	CT	25	0	0	0	0	0	0
1923	402871	Thào A	Mệnh	4028	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
1924	402872	Giàng Thị	Sua	4028	BT	21	0	0	3,780,000	0	0	3,780,000
1925	403101	Phan Anh	Dũng	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1926	403102	Đào Nhật	Nam	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1927	403103	Trịnh Thị	Linh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1928	403104	Vũ Thị Lâm	Oanh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1929	403105	Nguyễn Thị	Mai	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1930	403106	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1931	403107	Nguyễn Quốc Huy	Khanh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1932	403108	Nguyễn Thị Thu	Thảo	4031	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
1933	403109	Nguyễn Lê Thủy	Tiên	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1934	403110	Phạm Thị	Huyền	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1935	403111	Hà Quý	Đôn	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1936	403112	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1937	403113	Nguyễn Hoa	Quỳnh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1938	403114	Hoàng Thanh	Thúy	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1939	403115	Lê Thị Mỹ	Linh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1940	403116	Nguyễn Thị	Hường	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1941	403117	Lê Thùy	Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1942	403118	Hà Thị Diễm	Quỳnh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1943	403119	Hoàng Thị	Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1944	403120	Hồ Thị Quỳnh	Anh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1945	403121	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1946	403122	Nguyễn Thị Hiền	Lương	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1947	403123	Lê Thị Quỳnh	Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1948	403124	Trần Thị	Hoài	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1949	403125	Lê Thị	Hào	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1950	403126	Hoàng Lê Khánh	Linh	4031	MHP	29	0	0	0	0	0	0
1951	403127	Quách Thương	Hiệp	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1952	403128	Trần Thị Lan	Hương	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1953	403129	Lường Văn	Đông	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1954	403130	Ma Thị Thu	Uyên	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1955	403131	Bùi Thị	Huệ	4031	MHP	24	0	0	0	0	0	0
1956	403132	Trịnh Thị	Hương	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1957	403133	Hoàng Thị Ngọc	Anh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1958	403134	Hà Thị Ngọc	Linh	4031	MHP	29	0	0	0	0	0	0
1959	403135	Phạm Văn	Đông	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1960	403136	Đào Thị	Thúy	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1961	403137	Dương Thị	Thư	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1962	403138	Lê Thanh	Hào	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1963	403139	Đàm Văn	Thực	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1964	403140	Lý Thị	An	4031	MHP	26	0	0	0	0	0	0
1965	403141	Nguyễn Lâm	Oanh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1966	403143	Trần Thị	Quỳnh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1967	403144	Hoàng Ngọc	ánh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1968	403145	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1969	403146	Nguyễn Hương	Giang	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1970	403147	Lê Quỳnh	Trang	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1971	403148	Quách Thanh	Thủy	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1972	403149	Lê Thị	Hương	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1973	403150	Nguyễn Thị Vân	Anh	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1974	403151	Trần Thị	Hằng	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1975	403152	Hà Thị	Chang	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1976	403153	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1977	403154	Hồ Thị Bảo	Uyên	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1978	403155	Bùi Thu	Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1979	403156	Đỗ Thị Thùy	Trang	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1980	403157	Trần Thị	Lan	4031	MHP	29	0	0	0	0	0	0
1981	403158	Nguyễn Thị	Phượng	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1982	403159	Đào Mỹ	Duyên	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1983	403160	Hoàng Minh	Lý	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1984	403161	Trần Thị	Thư	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1985	403162	Lê Thị	Duyên	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1986	403163	Bùi Thị Vũ	Hoa	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1987	403164	Nguyễn Thị Hương	Giang	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1988	403165	Chu Thị	Hào	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1989	403166	Đỗ Ngọc Anh	Thư	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1990	403167	Hà Thị Hương	Thảo	4031	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1991	403168	Nguyễn Thị Thùy	Dương	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1992	403169	Đặng Hồng	Minh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1993	403170	Đinh Thị Lan	Anh	4031	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
1994	403171	Lý Thị	Hồng	4031	MHP	29	0	0	0	0	0	0
1995	403201	Trần Thị Ngọc	Ly	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1996	403202	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
					Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
1997	403203	Lương Thị Bền	4032	MHP	26	0	0	0	0	0	0
1998	403204	Nguyễn Thị Huyền Trang	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
1999	403205	Hoàng Đức Duy	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2000	403206	Lê Như Hoa	4032	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2001	403207	Hoàng Quốc Anh	4032	BT	18	0	0	3,240,000	0	0	3,240,000
2002	403208	Nguyễn Lan Hương	4032	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2003	403209	Ngô Phương Hiếu	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2004	403210	Hoàng Trường Trinh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2005	403211	Trần Thị My	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2006	403212	Lăng Thị Liêm	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2007	403213	Phạm Thu Hường	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2008	403214	Đặng Ngọc ánh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2009	403215	Trịnh Minh Hằng	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2010	403216	Nguyễn Thị Thao	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2011	403217	Lê Tuấn Minh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2012	403218	Hà Thị Nga	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2013	403219	Trần Thị Mai	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2014	403220	Đinh Minh Quyền	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2015	403221	Trần Thu Thảo	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2016	403222	Lê Nguyên Tuấn Anh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2017	403223	Phạm Kiều Oanh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2018	403224	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2019	403225	Bùi Đăng Huy	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2020	403226	Trương Cẩm Ly	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2021	403227	Nguyễn Thị Hương Trà	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2022	403228	Phan Đức Quý	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2023	403230	Nguyễn Lan Hương	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2024	403231	Vũ Thị Phương Nhung	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2025	403232	Lò Văn Duyệt	4032	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2026	403233	Mã Thanh Lâm	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2027	403234	Nguyễn Thị Hồng	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2028	403235	Vũ Diệu Linh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2029	403237	Tòng Thùy Linh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2030	403238	Trịnh Thị Phụng	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2031	403239	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2032	403240	Hoàng Thị Hà	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2033	403241	Quách Thảo Uyên	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2034	403242	Trần Ngọc Lam Giang	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2035	403243	Lê Phương Anh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2036	403244	Vương Hồng Huyền	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2037	403246	Dương Thị Bảo	Châu	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2038	403247	Vũ Thị Chi	Mai	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2039	403248	Trần Thị Thanh	Lam	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2040	403249	Đàm Thị	Thiệp	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2041	403250	Nguyễn Hà	Phuong	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2042	403251	Lê Thị Kim	Ngọc	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2043	403252	Vương Phuong	Anh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2044	403253	Nguyễn Hồ Hương	Ly	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2045	403254	Phạm Thu	Huong	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2046	403255	Hoàng Thị	Thanh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2047	403256	Tạ Thị Hồng	Hải	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2048	403257	Nguyễn Quang	Hung	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2049	403258	Nguyễn Hải	Anh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2050	403259	Nguyễn Trần Khánh	Quỳnh	4032	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2051	403260	Vì Thị	Vân	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2052	403261	Hoàng Thị	Phuong	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2053	403262	Triệu Thùy	Linh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2054	403263	Nguyễn Hồng	Hạnh	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2055	403264	Lý Thị	Hằng	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2056	403266	Lê Hương	Giang	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2057	403267	Huỳnh Thị Kim	Thúy	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2058	403268	Triệu Thị	Lầy	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2059	403269	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2060	403270	Nguyễn Thị	Tâm	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2061	403271	Phạm Thị	Huyền	4032	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2062	403302	Nguyễn Thanh	Huong	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2063	403304	Phạm Ngọc	Tú	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2064	403305	Nguyễn Thị ái	Lành	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2065	403307	Trần Quang	Việt	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2066	403308	Phạm Thị Ngọc	Anh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2067	403309	Vũ Thị	Huong	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2068	403310	Trịnh Thị Thu	Hà	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2069	403311	Nguyễn Đặng Mạnh	Phúc	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2070	403312	Mai Thị	Hằng	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2071	403313	Nguyễn Tiến	Đạt	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2072	403314	Cao Văn	Nguyên	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2073	403315	Nguyễn Thị	Ly	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2074	403316	Đỗ Thị Ngọc	ánh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2075	403317	Nguyễn Trọng	Hiếu	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2076	403318	Lưu Thị Quỳnh	Huong	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2077	403319	Lương Quốc	Tuấn	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2078	403320	Mai Thị Ngọc	Mai	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2079	403321	Nguyễn Sỹ	Việt	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2080	403322	Hoàng Như	Quỳnh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2081	403323	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2082	403324	Nguyễn Đức	Tình	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2083	403325	Nông Ngọc	Mai	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2084	403326	Nông Thu	Trang	4033	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2085	403327	Nguyễn Ngọc	Duyên	4033	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2086	403328	Nguyễn Thị Thùy	Vân	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2087	403329	Trần Khánh	Trình	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2088	403330	Lã Thị Kim	Tuyền	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2089	403331	Trần Thùy	Linh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2090	403332	Ngô Thị Ngọc	Trâm	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2091	403333	Phạm Thu	Trang	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2092	403334	Lê Thị Thúy	Huệ	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2093	403335	Vũ Thị Phương	Thảo	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2094	403336	Nguyễn Thị Hương	Ly	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2095	403339	Vũ Thị Huyền	Trang	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2096	403340	Phạm Quỳnh	Trang	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2097	403341	Lương Việt	Trình	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2098	403342	Trịnh Thu	Phương	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2099	403343	Hoàng Châu	Bình	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2100	403344	Đỗ Thị	Dung	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2101	403345	Lưu Thu	Trang	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2102	403346	Ngô Thị	Quyên	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2103	403348	Bùi Thị	Nhân	4033	MHP	24	0	0	0	0	0	0
2104	403349	Trần Thị Hoàng	Diệp	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2105	403350	Đỗ Thùy	Linh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2106	403351	Nguyễn Đàm Mai	Hương	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2107	403352	Bùi Hồng	Duyên	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2108	403353	Nguyễn Thị	Nhung	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2109	403354	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2110	403355	Nguyễn Phương	An	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2111	403356	Thiều Minh	Châu	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2112	403357	Đỗ Thị Mỹ	Linh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2113	403359	Lương Thị Hồng	Gấm	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2114	403360	Nguyễn Thúy	Hằng	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2115	403361	Cao Thanh	Huyền	4033	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2116	403362	Hoàng Thị Thuý	Kiều	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2117	403363	Lê Thị	Lam	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2118	403364	Phạm Thị	Quỳnh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2119	403365	Phan Minh	Đức	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2120	403366	Phạm Ngọc	Anh	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2121	403367	Phạm Thu	Phuong	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2122	403368	Trần Thị Lan	Anh	4033	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2123	403369	Hoàng Thị	Nguyễn	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2124	403370	Ma Thị	Sao	4033	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2125	403371	Vũ Quốc	Cường	4033	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2126	403372	Nguyễn Thị Hoài	Thương	4033	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2127	403401	Nguyễn Khánh	Linh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2128	403402	Hà Thị Bích	Thảo	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2129	403403	Nguyễn Thị Hoàng	Chuyên	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2130	403404	Cao Thị	Hải	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2131	403405	Vũ Thùy	Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2132	403406	Mã Thị	Vân	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2133	403407	Nguyễn Hà	Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2134	403408	Phùng Thị	Mai	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2135	403409	Hoàng Thị Thùy	Dương	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2136	403410	Đinh Ngô Tố	Uyên	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2137	403411	Nguyễn Thị Kim	Cúc	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2138	403412	Ngô Thị	Hường	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2139	403413	Dương Thị	Hòa	4034	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2140	403414	Triệu Tùng	Sơn	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2141	403415	Vũ Thị Minh	Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2142	403417	Nguyễn Thị	Minh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2143	403418	Trần Thị Mỹ	Linh	4034	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2144	403420	Nguyễn Yến	Hương	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2145	403421	Lê Thị	Huê	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2146	403422	Đinh Thị	Loan	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2147	403423	Hồ Thị Kim	Phụng	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2148	403424	Lương Thị Ngọc	Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2149	403425	Phạm Khánh	Hoà	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2150	403426	Đào Thị Thu	Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2151	403427	Đào Thị Hồng	Nhung	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2152	403428	Chu Thuý	Dương	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2153	403429	Đoàn Thị Thùy	Linh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2154	403430	Dương Văn	Tuấn	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2155	403431	Vũ Huyền	Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2156	403432	Phùng Thị Quỳnh	Trang	4034	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2157	403433	Nguyễn Thị Thu	Huệ	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2158	403434	Vũ Thị Ngọc	Diệp	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2159	403435	Nguyễn Bảo	Châu	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2160	403436	Trần Thị Như	Quyên	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2161	403437	Trần Thị Như	Quỳnh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2162	403438	Nguyễn Văn	Chính	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2163	403439	Nguyễn Thu	Hà	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2164	403440	Nguyễn Khánh	Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2165	403441	Quan Thị	Nga	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2166	403442	Nguyễn Thị Thu	Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2167	403443	Đinh Ngọc	Mai	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2168	403444	Nhữ Kim	Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2169	403446	Nguyễn Thị Thu	Hiền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2170	403447	Bùi Thị	Ngân	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2171	403448	Nguyễn Thị	Mai	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2172	403449	Cao Thị Hồng	Phượng	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2173	403450	Hoàng Thị Thu	Thảo	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2174	403451	Lý Thị	Nhung	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2175	403452	Phạm Thục	Anh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2176	403453	Đỗ Thị Mai	Hoa	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2177	403454	Nguyễn Thị Hà	An	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2178	403455	Vũ Thị	Trang	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2179	403456	Hà Thị	Hào	4034	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2180	403457	Nguyễn Thị Thanh	Nhung	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2181	403458	Nguyễn Thị	Nhung	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2182	403459	Nguyễn Thủy	Tiên	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2183	403461	Hà Thanh	Huyền	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2184	403462	Lê Minh	Hằng	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2185	403463	Nguyễn Thị Hải	Anh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2186	403464	Trần Hồng	Ngọc	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2187	403465	Trương Hà	Linh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2188	403466	Vương Thùy	Linh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2189	403467	Vũ Trường	Anh	4034	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2190	403468	Vi Thị Hà	Nam	4034	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2191	403469	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	4034	BT	16	0	0	2,880,000	0	0	2,880,000
2192	403501	Nguyễn Trà	Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2193	403502	Nguyễn Thị Thu	Chang	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2194	403503	Nguyễn Thị Thu	Hoài	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2195	403504	Thái Thị	Hương	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2196	403505	Linh Thị Mai	Anh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2197	403506	Bùi Kim	Ngân	4035	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000
2198	403507	Ngô Phương	Vi	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2199	403508	Lương Mỹ	Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2200	403509	Hà Thị	Lam	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2201	403510	Lê Thảo	Nhi	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2202	403511	Trịnh Thị	Hợp	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2203	403512	Trần Thị	Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2204	403513	Nguyễn Thị Mai	Hoa	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2205	403514	Nông Lan	Thương	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2206	403515	Trịnh Ngọc	Huyền	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2207	403516	Trần Thị Thanh	Xuân	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2208	403517	Lê Thị Lan	Anh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2209	403518	Đào Thị Hương	Ly	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2210	403519	Nguyễn Hồng Hà	Trang	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2211	403520	Bùi Thùy	Ngân	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2212	403521	Nguyễn Thị Kim	Oanh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2213	403522	Nguyễn Thị Hương	Trà	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2214	403523	Bùi Mạnh	Tuấn	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2215	403524	Nguyễn Ngọc	ánh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2216	403525	Nguyễn Thị	Thom	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2217	403526	Lục Thị Kiều	Trang	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2218	403527	Nguyễn Anh	Minh	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2219	403528	Bùi Thị Thanh	Phương	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2220	403530	Bùi Thị	Phương	4035	MHP	26	0	0	0	0	0	0
2221	403532	Nguyễn Thị Minh	Hân	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2222	403533	Lã Thị	Trang	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2223	403534	Nguyễn Thị	Huyền	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2224	403535	Nguyễn Thị Mai	Thương	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2225	403536	Trần Thúy	Nga	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2226	403537	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2227	403538	Hoàng Thị	Ly	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2228	403539	Hà Thu	Hằng	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2229	403540	Chu Thị Huyền	Bông	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2230	403541	Nguyễn Thị Hiền	Châu	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2231	403542	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2232	403543	Giang Thị Hải	Lý	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2233	403544	Đặng Thị Mai	Phương	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2234	403545	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4035	GHP	29	0	0	26,100,000	0	0	26,100,000
2235	403546	Bùi Thanh	Son	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2236	403547	Trần Thị Linh	Diệp	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2237	403548	Nông Thị	Phuong	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2238	403549	Nguyễn Hùng	Son	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2239	403550	Vũ Thị Kiều	Diễm	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2240	403553	Dương Thị Thùy	Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2241	403554	Trần Thị Thúy	Quỳnh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2242	403555	Nguyễn Thị Hải	Yến	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2243	403556	Hồ Quỳnh	Hoa	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2244	403557	Trần Ngọc	Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2245	403558	Đào Tuấn	Ngọc	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2246	403559	Phạm Nữ Anh	Thi	4035	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2247	403560	Nguyễn Thị Khánh	Linh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2248	403561	Bùi Thị Kiều	Nga	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2249	403562	Hoàng Hạnh Minh	Châu	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2250	403563	Hoàng Thị	Hay	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2251	403564	Nguyễn Lê Thu	Hà	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2252	403565	Vũ Ngô Nhật	Hạ	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2253	403566	Bùi Thị Hải	Anh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2254	403567	Doãn Thị	Hồng	4035	MHP	29	0	0	0	0	0	0
2255	403568	Quan Thị Thu	Quỳnh	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2256	403569	Lê Thị Cẩm	Vân	4035	MHP	29	0	0	0	0	0	0
2257	403570	Phạm Thị	Nga	4035	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2258	403601	Vũ Thị Minh	Châu	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2259	403602	Hoàng Thị Tú	Oanh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2260	403603	Nguyễn Thị	Hồng	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2261	403604	Lê	Na	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2262	403607	Lê Thị Thùy	Dương	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2263	403608	Nguyễn Thị	Thủy	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2264	403609	Vũ Thị Khánh	Linh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2265	403610	Đinh Thị	Ban	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2266	403612	Nguyễn Thảo	Ly	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2267	403613	Thái Vũ Hải	Đặng	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2268	403614	Nguyễn Hữu	Đạt	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2269	403616	Dương Thị Ngọc	ánh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2270	403617	Vũ Thị Phương	Thuý	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2271	403618	Hà Thị Diệu	Linh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2272	403620	Trần Thùy	Trang	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2273	403621	Bùi Công	Bình	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2274	403622	Lê Thùy	Linh	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2275	403623	Nguyễn Thị Kim	Phượng	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2276	403624	Lê Thị Huệ	Minh	4036	MHP	26	0	0	0	0	0	0

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2277	403625	Hoàng Thị	Phượng	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2278	403626	Trần Hải	Nam	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2279	403627	Lý Thái	Bào	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2280	403628	Phạm Thị Linh	Phương	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2281	403629	Ma Nhân Hoàng	Anh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2282	403630	Nguyễn Hữu	Bách	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2283	403631	Đỗ Thị Linh	Chi	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2284	403632	Ninh Thị Lan	Hương	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2285	403633	Triệu Hồng	Nhung	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2286	403634	Nguyễn Thị Thu	Phương	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2287	403635	Bùi Thị Thùy	Dung	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2288	403636	Nguyễn Bích	Thủy	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2289	403637	Nguyễn Thu	Hiền	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2290	403640	Khuất Huyền	Giáng	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2291	403641	Bùi Thị Như	ý	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2292	403642	La Thị	Lệ	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2293	403643	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2294	403644	Đỗ Thị	Hoài	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2295	403645	Hoàng Thị Trà	My	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2296	403646	Lê Thu	Huyền	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2297	403647	Ma Thị Tuyết	Nhung	4036	MHP	29	0	0	0	0	0	0
2298	403648	Nguyễn Thị	Thúy	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2299	403649	Ngô Mai	Anh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2300	403650	Nguyễn Thị	Phương	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2301	403651	Đỗ Minh	Ngọc	4036	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2302	403652	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2303	403653	Lự Thị	Thúy	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2304	403654	Tòng Thị	Linh	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2305	403655	Đặng Thị	Thường	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2306	403656	Hoàng Thị	Trang	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2307	403657	Đoàn Thị Ngọc	Mai	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2308	403658	Trần Thị Mỹ	Linh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2309	403659	Vũ Diệu	Linh	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2310	403660	Nguyễn Thị	Huế	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2311	403661	Nguyễn Hồng	Nhung	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2312	403662	Nguyễn Thị Thùy	Dương	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2313	403663	Nguyễn Thị Vân	Anh	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2314	403664	Nguyễn Phương	Hoa	4036	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2315	403665	Trương Thị	Vui	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2316	403666	Nguyễn Ngọc	Chí	4036	BT	24	0	0	4,320,000	0	0	4,320,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2317	403667	Đinh Thị Bích	Đoan	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2318	403668	Phạm Bá	Đạt	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2319	403669	Đinh Phương	Thảo	4036	BT	26	0	0	4,680,000	0	0	4,680,000
2320	403670	Lưu Thị	Mai	4036	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2321	403701	Đào Minh	Hiếu	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2322	403702	Đinh Hương	Giang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2323	403703	Nguyễn Hải	Dung	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2324	403704	Nguyễn Kim	Chi	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2325	403705	Lê Thị Quỳnh	Hoa	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2326	403706	Nguyễn Thục	Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2327	403708	Phương Hoàng Tú	Lam	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2328	403709	Nguyễn Minh	Nguyệt	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2329	403710	Đinh Thị	Tâm	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2330	403711	Hoàng Thị Kiều	Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2331	403712	Bùi Lê Chi	Thảo	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2332	403713	Lê Minh	Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2333	403715	Bùi Tú	Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2334	403716	Tô Thị Xuân	Thanh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2335	403717	Nguyễn Thành	Công	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2336	403718	Đỗ Thị	Hường	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2337	403719	Vũ Minh	Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2338	403720	Đào Ngọc	Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2339	403721	Nguyễn Thu	Trang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2340	403722	Bùi Việt	Trung	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2341	403723	Phan Thanh	Trà	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2342	403724	Ngô Hải	Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2343	403725	Bùi Hải	Công	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2344	403727	Phùng Thị	Nguyệt	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2345	403728	Nguyễn Chu Thu	Thủy	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2346	403729	Bạch Thị	Nga	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2347	403730	Đặng Mỹ	Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2348	403731	Nguyễn Phương	Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2349	403732	Nguyễn Thị	Trang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2350	403733	Mai Thị	Lê	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2351	403734	Vũ Phương	Thảo	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2352	403735	Lại Thu	Thủy	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2353	403736	Vũ Thị Nguyệt	Hà	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2354	403738	Lê Thị Hà	My	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2355	403739	Trần Thị Thùy	Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2356	403740	Vũ Phương	Hà	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2357	403741	Phạm Lê Ngọc	Mai	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2358	403742	Trần Cao ánh	Dương	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2359	403743	Nguyễn Phương	Thảo	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2360	403744	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2361	403745	Vũ Hoàng Diễm	My	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2362	403746	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2363	403747	Trịnh Thị Thu	Thủy	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2364	403748	Nguyễn Hải	Chi	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2365	403749	Nguyễn Thị Kim	Ngân	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2366	403751	Nguyễn Lê Diệu	Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2367	403752	Lê Thị Thu	Trang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2368	403753	Nguyễn Như Thái	Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2369	403754	Đông Văn	Thiệu	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2370	403755	Trương Minh	Hường	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2371	403756	Phạm Thị Thùy	Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2372	403758	Vũ Đức	Minh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2373	403759	Đặng Khánh	Huyền	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2374	403760	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2375	403761	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2376	403762	Vương Sỹ Thị	Giang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2377	403764	Trần Thị Yên	Nga	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2378	403765	Bùi Thế	Cảnh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2379	403766	Nguyễn Thị Phương	Anh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2380	403767	Diệp Thùy	Linh	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2381	403768	Hoàng Ngọc	Phong	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2382	403769	Nguyễn Mai	Hương	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2383	403770	Trần Mạnh	Thắng	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2384	403771	Trần Thị	Tú	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2385	403772	Nguyễn Thu	Trang	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2386	403773	Phạm Thị	Hoa	4037	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2387	403801	Bùi Diệu	Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2388	403802	Hà Anh	Kiệt	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2389	403803	Nguyễn Thùy	Dung	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2390	403804	Hoàng Thị	Nhung	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2391	403805	Phạm Thị Thùy	Trang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2392	403806	Nguyễn Trần Thảo	My	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2393	403807	Nguyễn Hồng	Phượng	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2394	403808	Lưu Thanh	Thủy	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2395	403809	Đoàn Thị Hồng	Chinh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2396	403810	Nguyễn Thị	Thủy	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2397	403812	Nguyễn Thúy	Hạnh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2398	403813	Trần Vũ Thùy	Trang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2399	403814	Trần Thị Quỳnh	Lan	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2400	403815	Dương Việt	Trình	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2401	403816	Nguyễn Thị	Hạnh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2402	403817	Nguyễn Thu	Huyền	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2403	403818	Cần Thị Thu	Trang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2404	403819	Vũ Minh	Ngọc	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2405	403820	Vũ Thu	Trang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2406	403821	Nguyễn Thu	Thảo	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2407	403822	Nguyễn Thị Thu	Hà	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2408	403823	Nguyễn Kiều	Anh	4038	BT	25	0	0	4,500,000	0	0	4,500,000
2409	403824	Trần Thị Hương	Giang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2410	403825	Trần Kim	Chi	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2411	403826	Trần Tiểu	Trâm	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2412	403827	Sần Thành	Nam	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2413	403828	Lê Mai	Thanh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2414	403829	Lê Quốc	Nghĩa	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2415	403830	Trương Thị Thu	Loan	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2416	403832	Trịnh Thị Diệu	Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2417	403833	Đoàn Thùy	Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2418	403834	Trần Nhã	Nam	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2419	403835	Bùi Thọ	Kiên	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2420	403836	Lê Nguyễn Khánh	Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2421	403837	Trần Huy	Quang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2422	403838	Đỗ Minh	Thư	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2423	403839	Nguyễn Thảo	Hiền	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2424	403840	Hà Thị Nhật	Lệ	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2425	403841	Lê Tú	Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2426	403842	Trương Thị	Yến	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2427	403843	Phạm Trần Phương	Thảo	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2428	403844	Nguyễn Thị Mai	Hương	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2429	403845	Tạ Hoàng	Hà	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2430	403846	Bùi Thị Mai	Phương	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2431	403847	Trần Thị Thu	Trang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2432	403848	Ngô Thị Mỹ	Lệ	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2433	403849	Vũ Thu	Hiền	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2434	403850	Nguyễn Thị Hà	Nhi	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2435	403851	Trần Thạch	Thảo	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2436	403853	Trần Khánh	Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2437	403854	Ngô Thu	Uyên	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2438	403855	Ngô Trang	Linh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2439	403856	Trần Thị Hải	Yến	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2440	403857	Phi Quang	Khải	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2441	403858	Lê Phương	Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2442	403859	Trần Huyền	Trang	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2443	403860	Nguyễn Nhật	Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2444	403861	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2445	403862	Thắm Trung	Hiếu	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2446	403863	Nguyễn Phương	Thúy	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2447	403864	Phan Hoàng	Nam	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2448	403865	Phan Thị Nguyên	Anh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2449	403866	Lưu Thị Minh	Thủy	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2450	403867	Đặng Đình	Đoàn	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2451	403868	Bùi Kiều	My	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2452	403869	Bùi Quang	Hoàng	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2453	403870	Lê Thị Tâm	Đan	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2454	403871	Đinh Nguyễn Hoàng	Minh	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2455	403873	Phạm Quang	Huy	4038	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2456	403901	Đặng Mạnh	Cường	4039	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2457	403902	Nhữ Thị Thu	Hường	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2458	403903	Lê Duy	Khánh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2459	403904	Nguyễn Thị Bích	Thảo	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2460	403905	Đặng Thu	Uyên	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2461	403906	Nguyễn Minh	Khanh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2462	403907	Bùi Ngọc	ánh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2463	403908	Thái Trà	My	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2464	403909	Bùi Lan	Hương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2465	403911	Nguyễn Ngọc	ánh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2466	403912	Trần Phương	Thảo	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2467	403913	Nghiêm Thị Lan	Hương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2468	403914	Ngô Phương Thanh	Thủy	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2469	403915	Trần Minh	Anh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2470	403916	Nguyễn Thục	Hiền	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2471	403917	Quách Mai	Phương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2472	403918	Phan Bảo	Ngọc	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2473	403919	Bùi Minh	Hiếu	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2474	403920	Sái Hoàng Thái	Hà	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2475	403921	Lê Thị Thanh	Hằng	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2476	403922	Lai Thế	Lân	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2477	403923	Vũ Khánh	Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2478	403924	Phùng Thị Thu	Ngân	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2479	403925	Vũ Hương	Ly	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2480	403926	Nguyễn Thúy	Quỳnh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2481	403927	Nguyễn Đức	Tú	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2482	403928	Nguyễn Hồng	Tâm	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2483	403929	Nguyễn Thị	Ngân	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2484	403930	Nguyễn Thanh	Thủy	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2485	403931	Lê Thu	Hương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2486	403932	Nguyễn Thị	Phương	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2487	403933	Trương Thị	Vi	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2488	403934	Nguyễn Thị Hải	Anh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2489	403935	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2490	403936	Nguyễn Mai	Anh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2491	403937	Đỗ Nguyễn Khánh	Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2492	403938	Nguyễn Mỹ	Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2493	403939	Trịnh Thị	Hằng	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2494	403940	Ngô Mai	Chi	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2495	403941	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2496	403942	Nguyễn Nhật	Minh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2497	403943	Phan Thị Khánh	Ly	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2498	403944	Đặng Thị	Nhung	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2499	403945	Nguyễn Thị	Thủy	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2500	403946	Nguyễn Đỗ	Quyên	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2501	403947	Trần Thu	Hiền	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2502	403948	Đỗ Thị	Hoa	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2503	403949	Lê Mỹ Thủy	Tiên	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2504	403950	Trần Anh	Thư	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2505	403951	Khổng Thu	Trang	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2506	403952	Nguyễn Thanh Kim	Ngọc	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2507	403953	Nguyễn Minh	Hằng	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2508	403954	Phạm Mỹ	Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2509	403955	Nguyễn	Phan	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2510	403956	Phương Hoàng My	Anh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2511	403957	Nguyễn Thị Hằng	Nga	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2512	403958	Trần Thị	Vân	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2513	403959	Đặng Minh	Trang	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2514	403960	Trần Đức	Long	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2515	403961	Phạm Nhật	Linh	4039	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2516	403962	Vũ Phương	Linh	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2517	403963	Nguyễn Thị Thu	Hà	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2518	403964	Trần Thị Thu	Thu	4039	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2519	403965	Nguyễn Tuấn	Trung	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2520	403966	Tô Thị Thanh	Thảo	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2521	403967	Nguyễn Văn	Hiếu	4039	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2522	403968	Chu Sơn	Nguyên	4039	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2523	404001	Trần Đức	Trình	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2524	404002	Đào Tường	Chi	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2525	404003	Nguyễn Hồng	Hạnh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2526	404004	Vũ Minh	Hường	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2527	404005	Trịnh Hồng	Vân	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2528	404006	Lê Thu	Hà	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2529	404007	Lê Thị Diệp	ánh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2530	404008	Trần Thị Thu	Huong	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2531	404009	Trần Huyền	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2532	404010	Lê Thị Bích	Hường	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2533	404011	Lê Thu	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2534	404012	Đặng Thị ánh	Dương	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2535	404013	Lưu Thảo	Dương	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2536	404014	Trần Phương	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2537	404015	Nguyễn Anh	Quân	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2538	404016	Bùi Hồng	Nhung	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2539	404017	Phạm Quỳnh	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2540	404018	Nguyễn Hoàng	Hiếu	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2541	404019	Nguyễn Hoàng Duy	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2542	404020	Nguyễn Quang	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2543	404021	Bùi Anh	Tú	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2544	404022	Nghiêm Thị ánh	Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2545	404023	Nguyễn Lan	Huong	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2546	404024	Nguyễn Thu	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2547	404025	Phạm Thị Hải	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2548	404026	Nguyễn Mạnh Hải	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2549	404027	Nguyễn Bích	Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2550	404028	Đinh Minh	Châu	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2551	404029	Phạm Thái	Sơn	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2552	404030	Thái Phương	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2553	404031	Vũ Hồ Diệu	Linh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2554	404032	Lê Việt Hồng	Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2555	404033	Nguyễn Phương	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2556	404034	Quản Thị Kiều	Oanh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2557	404035	Võ Minh	Thư	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2558	404036	Vũ Thị Thanh	Thắng	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2559	404037	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2560	404038	Nguyễn Thu	Ngà	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2561	404039	Nguyễn Hà	Linh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2562	404040	Nguyễn Bảo	Linh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2563	404041	Phan Thị Bích	Hạnh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2564	404042	Nguyễn Xuân	Lâm	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2565	404043	Đặng Tuấn	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2566	404044	Hà Nguyên	Hạnh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2567	404045	Đặng Thị	Dung	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2568	404046	Nguyễn Hoàng Minh	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2569	404047	Vũ Thị Hương	Giang	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2570	404048	Đào Thị Thanh	Tâm	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2571	404049	Đậu Phương	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2572	404050	Nguyễn Hà	Linh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2573	404051	Công Thị Thu	Thủy	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2574	404052	Lê Ngọc Huyền	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2575	404054	Trần Tú	Mỹ	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2576	404055	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2577	404056	Phạm Mạnh	Hưng	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2578	404057	Tạ Hoàng	An	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2579	404058	Nguyễn Thị	Lệ	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2580	404059	Đặng Hà	Phương	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2581	404060	Vũ Minh	Ngọc	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2582	404061	Trần Ngọc	Hải	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2583	404062	Hà Nhật	Thắng	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2584	404063	Phạm Quốc	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2585	404064	Đỗ Thị	Thảo	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2586	404065	Trần Thị Thu	Hường	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2587	404066	Phạm Ngọc	Anh	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2588	404067	Bạch Thị Sao	Mai	4040	BT	29	0	0	5,220,000	0	0	5,220,000
2589	404068	Nguyễn Hà	Thủy	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2590	404069	Nguyễn Hồ Thu	Hà	4040	BT	27	0	0	4,860,000	0	0	4,860,000
2591	402901	Trần Minh	Hằng	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2592	402902	Lê Khánh	Huyền	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2593	402904	Trần Thị Hà	Phương	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2594	402905	Nguyễn Việt	Khánh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2595	402906	Lê Hồng	Tuấn	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2596	402907	Nguyễn Ngọc	Thảo	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2597	402908	Nguyễn Hồng	Nhung	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2598	402910	Phan	Vũ	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2599	402911	Ngô Quang	Cường	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2600	402912	Vũ Công	Thuận	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2601	402913	Vũ Thủy	Tiên	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2602	402915	Nguyễn Ngọc	ánh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2603	402916	Hoàng Văn	Thiện	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2604	402917	Lê Thị Hồng	Hạnh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2605	402918	Nguyễn Ngọc	Bích	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2606	402919	Lý Vương	Thảo	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2607	402920	Hoàng Thị Minh	Thảo	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2608	402921	Phan Thị Trúc	Linh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2609	402922	Nguyễn Hoàng	Hải	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2610	402923	Trần Ngọc	Thành	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2611	402924	Hoàng Khánh	Linh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2612	402925	Nguyễn Thị	Trang	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2613	402926	Hồng Lê Cẩm	Hằng	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2614	402927	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2615	402929	Trần Lê Ngọc	Minh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2616	402930	Nguyễn Khắc Sơn	Dương	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2617	402931	Nguyễn Bình Trúc	Quỳnh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2618	402932	Bùi Hà	Phương	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2619	402933	Phạm Thu	Hương	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2620	402934	Lê Thái Thảo	Anh	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2621	402935	Nguyễn Huyền	Trang	4029A	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2622	402936	Tường Duy	Quyên	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2623	402937	Trần Lê Phương	Thảo	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2624	402938	Đỗ Thị Hồng	Hoa	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2625	402939	Vũ Thị Ngọc	Mai	4029A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2626	402940	Nguyễn An	Giang	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2627	402941	Nguyễn Xuân	Bách	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2628	402942	Mai Khánh	Linh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2629	402943	Trần Nguyên	Khánh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2630	402944	Mạc An	Chi	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2631	402945	Nguyễn Thu	Uyên	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2632	402948	Đỗ Hà	Anh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2633	402950	Nguyễn Ngọc	Duy	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2634	402951	Nguyễn Trần Phương	Trang	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2635	402952	Phạm Thùy	Dung	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2636	402953	Phan Hoàng	Tùng	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2637	402954	Lương Bảo	Thái	4029B	CLC40	25	0	0	14,700,000	0	0	14,700,000
2638	402955	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2639	402956	Trịnh Hoàng	Đức	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2640	402957	Tổng Thị Quỳnh	Nga	4029B	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2641	402958	Nguyễn Thúy	Quỳnh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2642	402959	Dương Tiên	Trung	4029B	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2643	402960	Đinh Ngọc	Huyền	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2644	402961	Nguyễn Thị Diệu	Linh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2645	402962	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2646	402963	Nguyễn Thị	Huyền	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2647	402964	Đỗ Thị Tuyết	Chinh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2648	402965	Vũ Thùy	Dung	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2649	402966	Nguyễn Đức	Thái	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2650	402967	Vũ Thị Ngọc	Mai	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2651	402968	Lê Hồng	Ngọc	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2652	402969	Trần Thị Hồng	Phuong	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2653	402970	Vũ Thị Minh	Hằng	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2654	402971	Nguyễn Thị Ngọc	An	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2655	402972	Nguyễn Thị Minh	Tâm	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2656	402973	Lê Thùy	Dương	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2657	402974	Trần Thị Ngọc	Hà	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2658	402975	Nguyễn Quỳnh	Anh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2659	402976	Phạm Minh	Tiến	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2660	402977	Dương Khánh	Linh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2661	402978	Diêm Thị	ánh	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2662	402979	Vũ Hoàng	Yến	4029B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2663	403001	Đỗ Hà	Linh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2664	403002	Nguyễn Lương Thục	Linh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2665	403003	Nguyễn Thảo	Phuong	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2666	403004	Nguyễn Tuấn	Anh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2667	403005	Trần Thị Hải	Anh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2668	403006	Đỗ Minh	Tú	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2669	403007	Đinh Thị Thu	Giang	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2670	403008	Ngô Thị Thùy	Linh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2671	403009	Trần Tiến	Đạt	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2672	403010	Trần Hải	Nam	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2673	403011	Đào Trọng	Nghĩa	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2674	403013	Nguyễn Hương	Nhung	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2675	403014	Cao Thế	Vinh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2676	403015	Vũ Thị Thu	Thủy	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2677	403016	Lỗ Thị Thu	Hương	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2678	403017	Nguyễn Ngọc Châu	Loan	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2679	403018	Ong Thị Thúy	Nga	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2680	403019	Ngô Thu	Hiền	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2681	403020	Nguyễn Thu	Huyền	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2682	403021	Vũ Hoàng	Minh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2683	403023	Phạm Phương	Hà	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2684	403024	Trần Đức	Hiếu	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2685	403025	Đoàn Trúc	Phương	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2686	403026	Huỳnh Phương	Ngân	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2687	403027	Hà Anh	Thư	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2688	403028	Ngô Thị Khánh	Quỳnh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2689	403029	Nguyễn Anh	Tú	4030A	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2690	403030	Phạm Hồng	Nhung	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2691	403031	Đỗ Huy	Khôi	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2692	403032	Vũ Thu	Phương	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2693	403033	Ninh Thị	Thúy	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2694	403034	Đỗ Huyền	Linh	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2695	403035	Đinh Thu	Thảo	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2696	403036	Dương Đức	Thắng	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2697	403037	Nguyễn Thế	Huy	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2698	403038	Đào Mai	Trang	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2699	403039	Trần Thị Thu	Hoa	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2700	403040	Nguyễn Hương	Giang	4030A	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2701	403041	Đoàn Ngọc	Yến	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2702	403043	Nguyễn ánh	Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2703	403044	Nguyễn Phương	Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2704	403045	Hoàng Phương	Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2705	403046	Vũ Quỳnh	Mai	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2706	403047	Hà Thị Ngọc	Mai	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2707	403048	Trịnh Ngọc Khánh	Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2708	403049	Kiều Thu	Hiền	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2709	403050	Đặng Thủy	Tiên	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2710	403051	Phan Hoài	Thu	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2711	403052	Nguyễn Thảo	Nguyên	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2712	403053	Trần Minh	Châu	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2713	403054	Nguyễn Phương	Thảo	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2714	403055	Nguyễn Thị Vân	Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2715	403056	Dương Hiếu	Phong	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2716	403057	Nguyễn Đoàn Ngọc	Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Đối tượng	Loại đăng ký tín chỉ			Thành tiền			Tổng tiền
						Học BT	Học lại	Học cải thiện	Tiền học BT	Tiền học lại	Tiền học cải thiện	
2717	403058	Phùng Thị Diễm	Hương	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2718	403059	Phạm Văn	Hùng	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2719	403060	Trần Hưng	Phúc	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2720	403061	Phạm Thị Minh	Phương	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2721	403062	Nguyễn Thị Bích	Hiên	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2722	403063	Nguyễn Thu	Thảo	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2723	403064	Nguyễn Mỹ	Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2724	403065	Phùng Linh	Trang	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2725	403066	Doãn Nhật	Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2726	403067	Lê Kiều	Minh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2727	403068	Nguyễn Khánh	Linh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2728	403069	Lê Gia	Khánh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2729	403070	Ngô Minh	Quân	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2730	403071	Phan Khánh	Hà	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2731	403072	Trần Lê Thiên	Ngân	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2732	403073	Trịnh Huyền	My	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2733	403074	Phạm Hằng	Nga	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2734	403075	Phạm Phương	Anh	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2735	403076	Trần Hà	Ngân	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2736	403077	Ngô Nhật	Linh	4030B	CLC40	17	0	0	13,260,000	0	0	13,260,000
2737	403078	Vương Thị Ngọc	Mai	4030B	CLC40	27	0	0	15,060,000	0	0	15,060,000
2738	403079	Hoàng Đức	Thiện	4030B	CLC40	25	0	0	14,700,000	0	0	14,700,000
		Tổng cộng				72,590	0	2	13,926,650,000	0	360,000	13,927,010,000

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2016

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ TOÁN

PHÓ HIỆU TRƯỞNG